**Câu 1. Hội nghị Ianta (2-1945) không đưa ra quyết định nào dưới đây?**

1. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
2. Giải giáp quân Đồng minh ở Đông Dương.
3. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
4. Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu, châu Á.

**Câu 2. Nhân tố chủ yếu chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ nửa sau thế kỉ XX là**

A. Chiến tranh lạnh. B. sự đối đầu giữa Liên Xô và Mĩ.

C. sự ra đời của Liên hợp quốc. D. chiến lược toàn cầu của Mĩ.

**Câu 3. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến cục diện hai cực, hai phe (tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa) sau Chiến tranh thế giới thứ hai là**

A. sự đối đầu giữ hai siêu cường Liên Xô và Mĩ.

B. do chủ nghĩa xã hội thành hệ thống thế giới

C. sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa Liên Xô và Mĩ.

D. do mâu thuẫn Liên Xô và Mĩ ngày càng gay gắt.

**Câu 4. Sự kiện xác lập cục diện hai cực, hai phe dẫn đến Chiến tranh lạnh bao trùm cả thế giới là**

1. sự ra đời của SEV và Tổ chức Hiệp ước Vacsava.
2. sự ra đời của SEV và Liên minh châu Âu (EU).
3. sự ra đời của NATO và Tổ chức Hiệp ước Vácsava.
4. sự ra đời của NATO và Liên minh châu Âu (EU).

**Câu 5. Ngoài việc giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế, Kế hoạch Mácsan của Mĩ ( 6-1947) còn nhằm tập hợp các nước Tây Âu vào**

1. liên minh chính trị chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
2. liên minh kinh tế đối lập với các nước xã hội chủ nghĩa.
3. liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
4. tổ chức chính trị và quân sự nhằm chống lại các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 6. Trong thời kì “Chiến tranh lạnh”, cuộc chiến tranh cục bộ nào lớn nhất, phản ánh mâu thuẫn giữa hai phe: Tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa?**

1. Chiến tranh xâm lược Việt Nam của Pháp (1945 – 1954).
2. Chiến tranh xâm lược Triều Tiên của Mĩ (1950 – 1953).
3. Chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mĩ (1954 - 1975).
4. Sự đối đầu giữa Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức.

**Câu 7. Sự kiện nào đánh dấu cuộc Chiến tranh lạnh kết thúc?**

1. Hiệp ước hạn chế hệ thống phòng thủ tên lửa (1972).
2. Hiệp ước thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu (1987).
3. Hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (1974).
4. Goócbachộp gặp Busơ tại Manta (1989).

**Câu 8. Việc “ Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức ” được kí kết ( 11-1972 ) có ý nghĩa như thế nào?**

1. Chấm dứt tình trạng Chiến tranh lạnh ở châu Âu.
2. Đánh dấu sự tái thống nhất nước Đức.
3. Làm cho tình hình châu Âu bớt căng thẳng.
4. Chấm dứt tình trạng đối đầu giữa hai phe ở châu Âu.

**Câu 9. Yếu tố nào dưới đây không phải là nguyên nhân dẫn đến việc Liên Xô và Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh?**

1. Sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.
2. Kinh tế Liên Xô lâm vào khủng hoảng kinh tế trì trệ.
3. Sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và Tây Âu.
4. Sự suy giảm về thể và lực của hai nước do chạy đua vũ trang.

**Câu 10. Trật tự thế giới hai cực lanta hoàn toàn tan rã khi**

1. chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ.
2. Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
3. Tổ chức hiệp ước Vácsava chấm dứt hoạt động.
4. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) giải thể.

**Câu 11. Sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt, thế giới chuyển dần sang xu thế nào?**

1. Hòa dịu, đối thoại và hợp tác phát triển.
2. Thỏa hiệp, nhân nhượng và kiềm chế đối đầu.
3. Tiếp xúc, thỏa hiệp và mở rộng liên kết.
4. Hòa hoãn, cạnh tranh và tránh mọi xung đột.

**Câu 12. Một trong những “di chứng ” của Chiến tranh lạnh là**

1. sự bùng nổ xung đột do tranh chấp lãnh thổ.
2. cuộc chạy đua vũ trang giữa các cường quốc.
3. khả năng đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
4. tình trạng gia tăng xu thuế li khai ở nhiều nơi.

**Câu 13. Trong quan hệ quốc tế hiện nay, các quốc gia dân tộc đang đối mặt với thách thức gì?**

1. Nguồn tài nguyên ngày càng cạn kiệt.
2. Chủ nghĩa khủng bố với những nguy cơ khó lường.
3. Sự tồn tại các loại vũ khí có sức hủy diệt lớn.
4. Chiến tranh ly khai, mâu thuẫn sắc tộc.

**Câu 14. Điểm nào chứng tỏ “Trật tự hai cực Ianta” (1945) và “Hệ thống Vécxai – Oasinhtơn” (1919-1922) có sự khác nhau?**

1. Kết quả của những cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu trong lịch sử.
2. Các cường quốc thắng trận thiết lập nên để phục vụ những lợi ích của họ.
3. Các tổ chức quốc tế ra đời để giám sát và duy trì trật tự thé giới.
4. Sự hiện diện của Liên Xô và sự đối lập về hệ tư tưởng đối với cách mạng thế giới.

**Câu 15. Quốc gia nào chịu tổn thất nặng nề nhất trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)?**

1. Pháp.

B. Nhật Bản.

C. Liên Xô.

1. Đức.

**Câu 16. Quốc gia nào đã phóng tàu vũ trụ bay vòng quanh Trái Đất , mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người?**

A. Mĩ. B. Đức. C. Liên Xô D. Ấn Độ.

**Câu 17. Trong thời gian 1945 – 1950 , nhiệm vụ trọng tâm của Liên Xô là**

1. khôi phục kinh tế sau chiến tranh.
2. xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật.
3. phá thế bị bao vây, cấm vận.
4. mở rộng quan hệ đối ngoại.

**Câu 18. Thắng lợi to lớn mà Liên Xô đạt được trong công cuộc xây dựng chu nghĩa xã hội những năm 1946 – 1950 là**

1. hoàn thành kế hoạch khôi phục kinh tế.
2. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
3. chế tạo thành công bom nguyên tử.
4. cường quốc công nghiệp thứ hai thế giới.

**Câu 19. Sự kiện đánh dấu bước phát triển nhanh chóng của khoa học - kĩ thuật viết trong giai đoạn 1946 – 1950 ở Liên Xô là**

1. phóng tàu vũ trụ bay vòng quanh Trái Đất.
2. phóng thành công tàu du hành vũ trụ.
3. chế tạo thành công bom nguyên tử.
4. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

**Câu 20. Thành tựu giúp Liên Xô đạt thế cân bằng quân sự với Mĩ trong giai đoạn 1946 – 1950 là**

A. chinh phục vũ trụ. B. phóng vệ tinh nhân tạo.

C. điện hạt nhân. D. bom nguyên tử.

**Câu 21. Yếu tố nào dưới đây quyết định sự thành công của Liên Xô trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1946 – 1950)?**

1. Liên Xô có lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú.
2. Liên Xô là nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
3. Nhân dân Liên Xô có tinh thần tự lực, tự cường.
4. Liên Xô có sự hợp tác hiệu quả với các nước Đông Âu.

**Câu 22. Trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật cho CNXH ( từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 thế kỉ XX ) Liên Xô đi đầu trong lĩnh vực nào?**

1. Công nghiệp nặng, chế tạo máy móc.
2. Công nghiệp hàng tiêu dùng, vũ trụ.
3. Công nghiệp quốc phòng, năng lượng.
4. Công nghiệp vũ trụ và điện hạt nhân.

**Câu 23. Nhận định nào dưới đây về chính trị đối ngoại của Liên Xô từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX là đúng?**

1. Hòa hoãn, tích cực.
2. B. Trung lập, tích cực.
3. Tích cực, tiến bộ.
4. D. Hòa hoãn, trung lập.

**Câu 24. Việc Liên Xô phóng con tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ I.Gagarin bay vòng quanh Trái Đất (1961) đã**

1. đánh dấu nền công nghiệp phát triển mạnh.
2. mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.
3. phá thế độc quyền chinh phục không gian của Mĩ.
4. đi đầu trong công nghiệp vũ trụ của thế giới.

**Câu 25. Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thành tựu có ý nghĩa quan trọng nhất là**

1. trở thành cường quốc công nghiệp thứ hai thế giới.
2. chế tạo thành công bom nguyên tử.
3. nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
4. nước đầu tiên đưa con người bay vòng quanh Trái Đất.

**Câu 26. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, phóng thành công vệ tinh nhân tạo và tàu vũ trụ bay vòng quanh Trái Đất sau năm 1945 chứng tỏ**

1. đã phá thế độc quyền của Mĩ.
2. khoa học - kĩ thuật phát triển mạnh.
3. nền công nghiệp đạt trình độ ca1o.
4. kỉ nguyên chinh phục vũ trụ bắt đầu.

**Câu 27. Vấn đề nào không phải là nguyên nhân dẫn đến sự tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu trong thập niên 80 , 90 của thế kỉ XX?**

1. Sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước.
2. Không bắt kịp bước phát triển của khoa học – kĩ thuật tiên tiến.
3. Khi tiến hành cải tổ lại phạm phải sai lầm nhiều mặt.
4. Tập trung xây dựng liên minh phòng thủ của Liên Xô và Đông Âu.

**Câu 28. Vai trò của Liên bang Nga trong việc xác lập quan hệ quốc tế mới sau Chiến tranh lạnh là**

1. kế thừa địa vị pháp lý Liên Xô trong quan hệ quốc tế.
2. điều chỉnh chính sách đối ngoại với châu Âu.
3. vị thế quốc tế được nâng cao.
4. khắc phục những trở ngại trên con đường phát triển.

**Câu 29. Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 là ngả về phương Tây , khôi phục và phát triển quan hệ với các nước ở**

A. châu Á. B. châu Âu. C. châu Phi. D. châu Mĩ.

**Câu 30. Những năm đầu sau khi Liên Xô tan rã , Liên bang Nga thực hiện chính sách đối ngoại ngã về phương Tây với hi vọng**

1. thành lập một liên minh chính trị ở châu Âu.
2. xây dựng một liên minh kinh tế lớn ở châu Âu.
3. nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế.
4. tăng cường hợp tác khoa học - kĩ thuật với các nước châu Âu.

**Câu 31. Một trong những ý nghĩa quốc tế của sự thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1-10-1949) là**

1. cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Bắc Á.
2. làm cho chủ nghĩa xã hội trở thành một hệ thống trên thế giới.
3. tạo điều kiện nối liền chủ nghĩa xã hội từ châu Âu sang châu Á.
4. làm giảm tình trạng căng thẳng của cục diện Chiến tranh lạnh.

**Câu 32. Thành tựu lớn nhất của Trung Quốc trong việc thực hiện công cuộc cải cách**

**– mở cửa từ năm 1978 đến nay là**

1. trở thảnh cường quốc công nghiệp.
2. đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới.
3. tổng giá trị xuất khẩu chiếm 5 % tổng giá trị xuất khẩu thế giới.
4. nước có nền kinh tế lấy thu nhập công nghiệp làm chủ yếu.

**Câu 33. Sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ( 10-1949 ) không có ý nghĩa nào** **sau đây?**

1. Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch thống trị của đế quốc, xóa bỏ tàn dư phong kiến.
2. Đưa Trung Quốc trở thành nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở châu Á.
3. Đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên CNXH.
4. Tạo điều kiện cho chủ nghĩa xã hội nối liền từ châu Âu sang châu Á.

**Câu 34. Trong nửa sau thế kỉ XX, khu vực Đông Bắc Á có ba “con rồng” kinh tế gồm**

1. Hàn Quốc, Xin - ga - po, Hồng Kông.
2. Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông.
3. Hàn Quốc, Nhật Bản, Xin - ga – po.
4. Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc.

**Câu 35. Nội dung nào không phải là biểu hiện sự biến đổi trong lĩnh vực kinh tế của khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu thế kỉ XXI?**

**A. Nền kinh tế phát triển nhanh chóng.**

1. Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới.
2. Hình thành các “ con rồng ” kinh tế.
3. Liên kết kinh tế trở nên chiếm ưu thế.

**Câu 36. Từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ đã tự túc được lương thực là nhờ tiến hành cuộc cách mạng nào dưới đây?**

A. Cách mạng xanh. B. Cách mạng công nghiệp.

C. Cách mạng công nghệ. D. Cách mạng chất xám.

**Câu 37. Cuộc “ Cách mạng chất xám ” đã đưa Ấn Độ trở thành cường quốc về**

A. công nghệ sinh học. B. công nghệ phần mềm.

C. công nghệ hạt nhân. D. công nghệ vũ trụ.

**Câu 38. Sau khi giành độc lập (1950), Ấn Độ trở thành một trong những nước sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới từ sau**

A. cuộc cách mạng xanh. B. cuộc cách mạng trắng.

C. cuộc cách mạng chất xám. D. cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật.

**Câu 39. Chính sách đối ngoại nổi bật của Ấn Độ kể từ sau khi giành độc lập (1950) là**

1. tăng cường xây dựng tiềm lực quân sự mạnh.
2. cạnh tranh với các nước lớn ở châu Á.
3. thiết lập trật tự thế giới đa cực, đa trung tâm.
4. theo đuổi chính sách hòa bình, trung lập .

**Câu 40. Đâu *không là* biến đổi to lớn của khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thứ giới thứ hai?**

1. Sự thành lập các quốc gia độc lập.
2. Nền kinh tế năng động và tăng trưởng nhanh.
3. Hội nhập và liên kết khu vực ngày càng sâu rộng.
4. Sự diện diện và cạnh tranh của các cường quốc trong khu vực.

**Câu 41. Biến đổi lớn nhất của các nước trong khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là**

1. các nước Đông Nam Á đều gia nhập vào ASEAN.
2. các nước Đông Nam Á đều phát triển mạnh về kinh tế.
3. các nước Đông Nam Á đều giành được độc lập.các nước Đông Nam Á đều trở thành nước công nghiệp mới.

**Câu 8. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia tuyên bố độc lập đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á là**

A.In - đô - nê - xi – a. B. Việt Nam. C. Phi - líp – pin. D. Xin - ga – po.

**Câu 15. Ngày 07-01-1979, thủ đô Phnôm Pênh của Cam - pu - chia được giải phóng khi thế lực nào dưới đây bị đánh đổ?**

A. Tập đoàn Lon Non thân Mĩ. B. Tập đoàn Pôn Pốt.

C. Thế lực thân Pháp. D. Thế lực chống đối Quốc vương Xi - ha – núc.

**Câu 16. Tháng 9-1993, Quốc hội Cam - pu - chia thông qua Hiến pháp và thành lập Vương quốc Cam - pu - chia do Xi - ha - núc làm Quốc vương, đây là hình thức nhà nước theo thể chế**

A. cộng hòa. B. quân chủ chuyên chế.

C. quân chủ lập hiến. D. xã hội chủ nghĩa.

**Câu 17. Những quốc gia nào ở Đông Nam Á là thành viên sáng lập tổ chức ASEAN (8-8-1967)?**

1. In - đô - nê - xi - a, Bru - nây, Ma - lai - xi - a, Phi - líp - pin, Thái Lan.
2. In - đô - nê - xi - a, Xin - ga - po, Ma - lai - xi - a, Phi - líp - pin, Thái Lan.
3. Việt Nam, Xin - ga - po, Ma - lai - xi - a, Phi - líp - pin, Thái Lan.
4. Thái Lan, Xin - ga - po, Ma - lai - xi - a, Phi - lip - pin, Cam - pu - chia .

**Câu 21. Năm 1975, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ Bồ Đào Nha cơ bản bị tan rã với**

1. thắng lợi của nhân dân Mô - dăm - bích và Ăng - gô – la.
2. thắng lợi của nhân dân Nam Phi và An - giê – ri.
3. thắng lợi của nhân dân Libi và Ai Cập.
4. thắng lợi của nhân dân Tuy - ni - di và Ma - rốc.

**Câu 22. Với sự kiện 17 nước châu Phi được trao trả độc lập, lịch sử ghi nhận năm 1960 là**

A. năm châu Phi. B. năm châu Phi nổi dậy.

C. năm châu Phi giải phóng. D. năm châu Phi thức tỉnh.

**Câu 23. Lá cờ đầu trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh sau năm 1945 là cuộc cách mạng diễn ra ở quốc gia nào?**

A. Pa - na – ma. B. Cu – ba.

1. C. Vê - nê - xuc – la. D. Cô - lôm - bi – a. **Câu**

**Câu 25. Sự kiện nào đánh dấu bước phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc khu vực Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?**

1. Thắng lợi của cách mạng Cuba năm 1959.
2. Sự thành lập nước Cộng hòa Cu – ba.
3. Mĩ Latinh trở thành “lục địa bùng cháy”.
4. Chính quyền độc tài bị lật đổ ở châu Phi.

**Câu 26. Sự sụp đổ của chế độ phân biệt chủng tộc (A - pác - thai) ở Nam Phi (1993) chứng tỏ**

1. một biện pháp thống trị của chủ nghĩa thực dân bị xóa bỏ.
2. hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cơ bản bị tan rã.
3. cuộc đấu tranh và tiến bộ xã hội đã hoàn thành ở châu Phi.
4. chủ nghĩa thực dân mới bắt đầu khủng hoảng và suy yếu.

**Câu 27. Một trong những điểm khác biệt giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi với châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là về**

1. kết cục của cuộc đấu tranh. B. mục tiêu đấu tranh chủ yếu.
2. nhiệm vụ đấu tranh chủ yếu. D. tổ chức lãnh đạo thống nhất của châu lục.

**Câu 28. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, phong trào giải phóng dân tộc diễn ra sớm nhất ở khu vực nào?**

A. Bắc Phi. B. Đông Phi. C. Đông Bắc Á. D. Đông Nam Á.

**Câu 29. Biển đổi nào dưới đây không chứng tỏ phong trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã góp phần làm thay đổi bản đồ chính trị thế giới**

1. Trật tự hai cực Ianta bị xói mòn do sự ra đời của các quốc gia độc lập.
2. Sau khi giành độc lập, các quốc gia đều tiến lên chủ nghĩa xã hội.
3. Từ những nước thuộc địa, hơn 100 quốc gia đã giành được độc lập.
4. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân bị xóa bỏ hoàn toàn.

**Câu 30. Nội dung nào dưới đây không phải là tác động của phong trào giải phóng dân tộc đối với quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?**

1. Góp phần làm xói mòn Trật tự thế giới hai cực Ianta.
2. Dẫn đến sự ra đời của hơn 100 quốc gia độc lập trên thế giới.
3. Sau khi độc lập , các nước tích cực tham gia đời sống chính trị thế giới.
4. Dẫn đến tình trạng đối đầu giữa các cường quốc về vấn đề thuộc địa.

**Câu 31. Yếu tố nào sau đây quyết định sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?**

1. Sự suy yếu của các nước để quốc chủ nghĩa phương Tây.
2. Ý thức độc lập và sự lớn mạnh của các lực lượng dân tộc.
3. Thắng lợi của phe đồng minh trong chiến tranh chống phát xít.
4. Hệ thống XHCN hình thành và ngày càng phát triển.

**Câu 32. Sự phát triển và thắng lợi của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở các nước Á , Phi , Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai có ý nghĩa như thế nào?**

1. Hơn 100 nước thuộc địa và phụ thuộc giành được độc lập dân tộc.
2. Làm cho thế kỉ XX trở thành thế kỉ giải trừ chủ nghĩa thực dân.
3. Các quốc gia độc lập trẻ tuổi đạt nhiều thành tựu về kinh tế – xã hội.
4. Xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Âu – Mĩ ở các thuộc địa.

**Câu 1. Quốc gia nào đã khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại ?**

A. Liên Xô. B. Mĩ. C. Anh. D. Pháp.

**Câu 2. Trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới trong khoảng hai thập niên đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là**

A. Anh. B. Mĩ. C. Tây Âu. D. Nhật Bản.

**Câu 3. Nền kinh tế đứng đầu thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là quốc gia nào?**

A.Liên Xô. B. Mĩ. C. Trung Quốc. D. Nhật Bản.

**Câu 4. Quốc gia ở châu Âu duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là**

A. Anh. B. Pháp. C. Đức. D. Tây Ban Nha

**Câu 5. Từ nửa sau những năm 80 thế kỉ XX, quốc gia nào đã vươn lên trở thành siêu cường tài chính và là chủ nợ lớn nhất thế giới?**

A.Anh B. Nhật Bản. C. Mĩ. D. Trung Quốc.

**Câu 6. Cuộc Chiến tranh lạnh do quốc gia nào khởi xướng?**

A.Anh. B. Liên Xô. C. Mĩ. D. Đức.

**Câu 7. Trong những năm 1973 – 1982, nền kinh tế Mĩ lâm vào tình trạng khủng hoảng , suy thoái chủ yếu là do**

1. tác động của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
2. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng trên thế giới.
3. sự cạnh tranh của Nhật Bản và các nước Tây Âu.
4. việc Mĩ kí Hiệp định Pa - ri năm 1973 về Việt Nam.

**Câu 8. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã vươn lên thành trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới nhờ nhiều yếu tố, yếu tố nào dưới đây là yếu tố riêng có của nước Mĩ?**

1. Áp dụng thành tựu cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật.
2. Lợi dụng chiến tranh để làm giàu.
3. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú.
4. Chính sách và biện pháp điều tiết của nhà nước.

**Câu 9. Một trong ba mục tiêu chủ yếu trong Chiến lược toàn cầu của Mĩ giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1973 là**

1. bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh.
2. ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới.
3. tăng cường khôi phục , phát triển tính năng động nền kinh tế Mĩ
4. “ thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

**Câu 10. Từ năm 1945 đến năm 1973, Mĩ đề ra chiến lược toàn cầu không có mục tiêu**

1. ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới.
2. đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và cộng sản quốc tế.
3. khống chế , chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc Mĩ.
4. bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh.

**Câu 11. Thực chất chuyến thăm Trung Quốc và Liên Xô năm 1972 của Tổng thống Mĩ là để**

1. tranh thủ sự giúp đỡ , ủng hộ của hai nước xã hội chủ nghĩa lớn.
2. chuyển từ xu thế đối đầu sang xu thế hòa hoãn đối thoại.
3. thi hành sách lược hòa hoãn để chống lại phong trào giải phóng dân tộc.
4. tạo sự mâu thuẫn giữa hai nước Liên Xô và Trung Quốc.

**Câu 12. Trong thập kỷ 90 của thế kỉ XX, chiến lược “ Cam kết và mở rộng ” của Mĩ không theo đuổi mục tiêu cơ bản nào sau đây?**

1. Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động, sức mạnh kinh tế Mĩ.
2. Dùng khẩu hiệu “ thúc đẩy dân chủ để can thiệp vào công việc nội bộ các nước.
3. Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
4. Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc Mĩ.

**Câu 13. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế các nước Tây Âu phát triển nhanh không xuất phát từ yếu tố**

1. áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại.
2. nhà nước có vai trò rất lớn trong việc quản lý, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.
3. tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài như nguồn viện trợ của Mĩ, giá nguyên liệu rẻ.
4. lợi dụng chiến tranh để làm giàu , thu lợi nhuận từ buôn bán vũ khí.

**Câu 14. Từ năm 1952 đến năm 1973, nền kinh tế Nhật Bản gặp nhiều hạn chế và khó khăn không xuất phát từ lí do**

1. tài nguyên khoáng sản rất nghèo nàn.
2. cơ cấu kinh tế thiếu cân đối.
3. sự cạnh tranh quyết liệt của Mĩ và Tây Âu.
4. chưa bắt kịp thành tựu khoa học - kĩ thuật.

**Câu 15. Một biểu hiện triển khai chiến lược toàn cầu của Mỹ đối với các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 70 của thế kỉ XX là**

1. thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương ( NATO)
2. lôi kéo các nước ủng hộ Mĩ thực hiện Chiến lược toàn cầu.
3. kêu gọi các nước công chống Liên Xô và Đông Âu.
4. tiến hành cuộc Chiến tranh lạnh với các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 16. Một trong ba mục tiêu cơ bản của chiến lược “Cam kết và mở rộng” mà chính quyền** B. Clinton áp dụng trong thập niên 90 của thế kỉ XX là

1. khống chế , chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.
2. “ Thúc đẩy dân chủ ” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.
3. đàn áp phong trào giải phóng dân tộc , phong trào cộng sản quốc tế.
4. ủng hộ hàng chục cuộc chiến tranh xâm lược và bạo loạn trên thế giới.

**Câu 17. Trong chiến lược “cam kết và mở rộng” ( được triển khai trong thập kỷ 90, của thế kỉ XX ), Mĩ coi trọng việc tăng cường**

1. ứng dụng khoa học - công nghệ để phát triển năng lượng sản xuất.
2. khôi phục , phát triển tính năng động và sức mạnh nền kinh tế Mĩ.
3. hợp tác về kĩ thuật với các nước đồng minh để phát triển kinh tế.
4. trợ giúp cho nền kinh tế các nước tư bản đồng minh phát triển.

**Câu 18. Trong chiến lược “ cam kết và mở rộng ( thập niên 90 thế kỉ XX),để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác, Mĩ đã**

1. tăng cường tính năng động của nền kinh tế.
2. sử dụng khẩu hiệu chống chủ nghĩa khủng bố.
3. sử dụng lực lượng quân đội mạnh.
4. sử dụng khẩu hiệu “ thúc đẩy dân chủ ”.

**Câu 19. Trong những năm 90 của thế kỉ XX, về đối ngoại Mĩ đã triển khai chiến lược**

A. cam kết và mở rộng. B. phản ứng linh hoạt.

C. ngăn đe thực tế. D. đối đầu trực tiếp.

**Câu 20. Sự kiện nước Mĩ bị khủng bố ngày 11-9-2001 đã làm thay đổi quan trọng về những chính sách gì của Chính phủ Mĩ khi bước vào thế kỉ XXI?**

A. Đối nội và đối ngoại. B. Kinh tế và ngoại giao.

C. Quân sự và quốc phòng. D. Quan hệ ngoại giao.

**Câu 21. Từ thập niên 40 của thế kỉ XX , quốc gia trở thành tâm điểm của sự đối đầu ở châu Âu giữa hai cực Liên Xô và Mĩ là**

1. Hà Lan. B. Pháp.
2. C. I - ta - li – a. D. Cộng hòa Liên bang Đức.

**Câu 22. Trong thập ki cuối cùng của thế kỉ XX , quốc gia nào trong chính sách đối ngoại của mình vẫn duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ?**

A. Đức. B. Anh. C. Pháp. D. I - ta - li – a.

**Câu 23. Nguyên nhân khách quan đã giúp kinh tế các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai phục hồi là**

1. được đền bù chiến phí từ các nước phát xít.
2. sự cố gắng của người dân từng nước.
3. viện trợ của Mĩ theo Kế hoạch Mác – san.
4. áp dụng thành tựu cách mạng khoa học – kĩ thuật.

**Câu 24. Từ năm 1945 – 1950 , với sự viện trợ của Mĩ , nền kinh tế các nước Tây Âu.**

A. phát triển nhanh chóng. B. cơ bản được phục hồi.

C. phát triển chậm chạp. D. cơ bản có sự tăng trưởng.

**Câu 25. Giai đoạn 1950 – 1973 , nhiều nước tư bản Tây Âu một mặt tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ , mặt khác...**

1. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa.
2. tập trung phát triển quan hệ hợp tác với các nước Mĩ Latinh .
3. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á.
4. đa dạng hóa, đa phương hóa hơn nữa quan hệ đối ngoại.

**Câu 26. Trong các nguyên nhân dưới đây, nguyên nhân nào đóng vai trò quyết định sự phát triển “ thần kỳ ” trong nền kinh tế Nhật Bản vào thập niên 60 , 70 của thế kỉ XX?**

1. Con người được coi là vốn quý nhất, là chìa khóa của sự phát triển.
2. Vai trò lãnh đạo, quản lý có hiệu quả của nhà nước.
3. Chi phí cho quốc phòng thấp nên có điều kiện đầu tư vào nền kinh tế.
4. Áp dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật để nâng cao năng suất.

**Câu 27. Vấn đề nào sau đây không thuộc nhân tố thúc đẩy sự phát triển thần kì ” của nền kinh tế Nhật Bản?**

1. Chi phí cho quốc phòng thấp , nên có điều kiện đầu tư cho kinh tế.
2. Vai trò lãnh đạo, quản lý có hiệu quả của Nhà nước.
3. Con người được coi là vốn quý nhất , là nhân tố quyết định hàng đầu.
4. Là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.

**Câu 28. Trong những hạn chế và khó khăn dưới đây, khó khăn và hạn chế nào Chính phủ Nhật Bản không thể khắc phục được?**

1. Lãnh thổ hẹp, tài nguyên khoáng sản nghèo nàn, hầu hết phải nhập khẩu.
2. Cơ cấu nền kinh tế mất cân đối, chỉ tập trung ở các trung tâm lớn.
3. Gặp sự cạnh tranh quyết liệt của Mĩ, Tây Âu, Trung Quốc.
4. Thiên tai, nạn thất nghiệp tăng làm cho đời sống người dân bất ổn.

**Câu 29. Trong những năm 1973 – 1991, sự phát triển kinh tế Nhật Bản thường xen kẽ với những giai đoạn suy thoái ngắn, chủ yếu là do**

1. sự cạnh tranh của Mỹ và các nước Tây Âu.
2. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.
3. thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp đáng kể.
4. sự cạnh tranh mạnh mẽ của Trung Quốc và Ấn Độ.

**Câu 30. Từ năm 1952 đến năm 1973, khoa học – kĩ thuật và công nghệ của Nhật Bản chủ yếu tập trung vào lĩnh vực**

A. sản xuất ứng dụng dân dụng. B. công nghiệp quốc phòng.

C. khoa học cơ bản. D. chinh phục vũ trụ.

**Câu 31. Nền tảng căn bản trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau năm 1945 là**

A. liên minh chặt chẽ với Mĩ. B. bình thường hóa quan hệ với các nước.

C. khôi phục quan hệ với châu Á. D. coi trọng quan hệ với châu Âu.

**Câu 32. Nội dung chủ yếu của các học thuyết ( Phucưđa , Kaiphu , Miyadaoa và Hasimôtô ) được Nhật Bản thực hiện trong những năm 70 đến những năm 90 của thế kỉ XX là**

1. tăng cường phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á .
2. coi trọng quan hệ với Mĩ và các nước châu Âu.
3. tăng cường quan hệ với các nước Thế giới thứ ba.
4. chú trọng phát triển với các nước châu Á.

**Câu 34. Điểm giống nhau trong nguyên nhân dẫn đến sự phát triển kinh tế của ba trung tâm kinh tế thế giới ( Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu ) từ những năm 70 của thế kỷ XX là**

1. vai trò quan trọng của nhà nước trong quản lý, điều tiết nền kinh tế.
2. tận dụng tốt các yếu tố viện trợ bên ngoài và giá mua nguyên liệu rẻ.
3. nguồn nhân lực dồi dào, có trình độ cao, năng động và sáng tạo.
4. các tập đoàn tư bản lũng đoạn có sức sản xuất và cạnh tranh cao.

**Câu 35. Điểm giống nhau về chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu và Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 70 của thế kỉ XX là**

A.bị Mĩ chi phối, cô lập. B. liên minh chặt chẽ với Mĩ.

C. tham gia chiến tranh nhiều nơi. D. chạy đua vũ trang.

**Câu 36. Điểm chung giữa Mĩ , Tây Âu và Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000là gì?**

1. Cùng thực hiện Chiến lược toàn cầu.
2. Trung tâm kinh tế - tài chính lớn thế giới.
3. Tiến hành chiến tranh xâm lược bên ngoài.
4. Liên minh chặt chẽ với nhau.

**Câu 37. Đâu không phải là nguyên nhân chung giúp Tây Âu và Nhật Bản trở thành những trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới sau năm 1945?**

1. Ứng dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật.
2. Vai trò lãnh đạo , quản lí có hiệu quả của Nhà nước.
3. Lợi dụng chiến tranh để làm giàu.
4. Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển.

**Câu 39. Để rút ngắn khoảng cách về sự phát triển khoa học – kĩ thuật với các nước tư bản khác, Nhật Bản đã làm gì?**

1. Đầu tư nhiều cho các trung tâm nghiên cứu và ứng dụng.
2. Cử sinh viên học tập và nghiên cứu ở nước ngoài.
3. Mua bằng phát minh sáng chế và chuyển giao công nghệ.
4. Coi trọng các môn khoa học tự nhiên và công nghệ ở trường phổ thông.

**Câu 40. Từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX, Nhật Bản đưa ra chính sách đối ngoại mới chủ yếu là do**

1. có tiềm lực kinh tế - quốc phòng vượt trội.
2. có tiềm lực kinh tế – tài chính lớn mạnh.
3. Mĩ cắt giảm dần sự bảo trợ về an ninh
4. tác động của cục diện Chiến tranh lạnh .

**Câu 41. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là**

1. kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
2. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
3. sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học – công nghệ.
4. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.

**Câu 42. Xu thế toàn cầu hoá trên thế giới là hệ quả của**

1. sự phát triển quan hệ thương mại quốc tế.
2. cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.
3. sự ra đời của các công ty xuyên quốc gia.
4. quá trình thống nhất thị trường thế giới.

**Câu 43. Một biểu hiện chủ yếu của xu thế toàn cầu hóa ngày nay là**

1. sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin.
2. sự giải quyết những vấn đề kinh tế chung của các nước.
3. diễn ra cách mạng khoa học - công nghệ.
4. sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế và khu vực.

**Câu 44. Một trong những tác động tích cực của xu thế toàn cầu hóa là**

1. sự thúc đẩy nhanh, mạnh việc phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.
2. sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
3. sự tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
4. sự ra đời và phát triển các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế.

**Câu 45. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực ( từ đầu những năm 80 của thế kỉ XX ) là biểu hiện của xu thế nào?**

A. đa dạng hóa. B. hợp tác và đấu tranh.

C. hòa hoãn tạm thời. D. toàn cầu hóa.

**Câu 46. Toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, một thực tế không thể đảo ngược vì**

1. là kết quả của việc thu hút nguồn lực từ các nước đang phát triển.
2. các nước tư bàn tăng cường đầu tư vốn ra thị trường thế giới.
3. đây là hệ quả tất yếu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.
4. các cường quốc đẩy mạnh liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu.

**Câu 47. Nội dung nào không phải là nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc?**

1. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình.
2. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của các nước.
3. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.
4. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

**Câu 48. Một trong những mục đích của tổ chức Liên hợp quốc là**

1. trừng trị các hoạt động gây ra chiến tranh thế giới.
2. thúc đẩy quan hệ hợp tác và hữu nghị giữa các nước.
3. duy trì sự bình đẳng , an ninh và ổn định tại các nước.
4. ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường thế giới.

**Câu 49. Cơ quan giữ vai trò trọng yếu trong việc duy trì hoa bình và an ninh thế giới của Liên hợp quốc là**

A. Đại hội đồng. B. Hội đồng Bảo an.

C. Tòa án Quốc tế. D. Hội đồng An ninh.

**Câu 50. Theo nguyên tắc nhất trí giữa 5 nước Ủy viên thường trực, một quyết định của HĐBA Liên hợp quốc chắc chắn sẽ được thông qua khi**

A. chỉ có ít nước bỏ phiếu chống. B. không có nước nào bỏ phiếu chổng.

C. không có nước nào bỏ phiếu trắng. D. phần lớn các nước bỏ phiếu thuận.

**Câu 51. Đâu không phải là cơ quan chính của Liên hợp quốc được quy định trong Hiến chương (1945)?**

A. Tổ chức Y tế Thế giới. B. Tòa án Quốc tế.

C. Hội đồng kinh tế và xã hội. D. Đại hội đồng.

**Câu 52. Sau khi giành được độc lập , nhóm năm nước sáng lập ASEAN gồm**

1. In - đô - nê - xi - a , Mi - an - ma , Xin - ga - po , Phi - líp - pin , Thái Lan .
2. In - đô - nê - xi - a , Ma - lai - xi - a , Xin - ga - po , Việt Nam , Thái Lan.
3. In - đô - nê - xi - a , Ma - lai - xi - a , Xin - ga - po , Bru - nây , Thái Lan.
4. In - đô - nê - xi - a , Ma - lai - xi - a , Xin - ga - po , Phi - líp - pin , Thái Lan.

**Câu 53. Sự khởi sắc của tổ chức ASEAN được đánh dấu bằng sự kiện nào?**

1. Hội nghị cấp cao lần thứ nhất ( 2-1976 ) tại In - đô - nê - xi - a đã kí Hiệp ước Bali
2. Quá trình toàn Đông Nam Á đã hoàn thành với 10 thành viên của tổ chức.
3. Quan hệ giữa các nước Đông Dương và ASEAN đã được cải thiện.
4. Các cường quốc trên thế giới đã mở rộng quan hệ hợp tác, đối ngoại với tổ chức.

**Câu 54. Liên kết chính trị – kinh tế khu vực lớn nhất hành tinh cuối thập niên 90 của thế kỉ XX là**

A. Liên minh châu Âu ( EU). B. Cộng đồng kinh tế châu Âu ( EEC).

C. Cộng đồng châu Âu ( EC). D. Liên hợp quốc .

**PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM**

**Câu 1. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai ở Đông Dương (1919 – 1929), thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành kinh tế nào?**

**A.** Thủ công nghiệp. **B.** Thương nghiệp. **C.** Nông nghiệp. **D.** Công nghiệp.

**Câu 2. Những giai cấp và tầng lớp nào ở Việt Nam ra đời sau các đợt khai thác thuộc địa của Pháp?**

**A.** Nông dân, công nhân, tư sản. **B**. Địa chủ, nông dân, công nhân.

**C.** Tư sản, tiểu tư sản **D.** Tiểu tư sản, tư sản, công nhân.

**Câu 3. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất , lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam là**

**A**. tư sản dân tộc. **B.** công nhân. **C.** nông dân. **D.** tiểu tư sản.

**Câu 4. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, trong bối cảnh mất nước, vấn đề độc lập dân tộc là yêu cầu bức thiết nhất của giai cấp**

**A.** địa chủ phong kiến. **B.** tư sản mại bản. **C.** nông dân. **D.** đại tư sản.

**Câu 5. Có tinh thần dân tộc dân chủ , chống đế quốc và tay sai nhưng thái độ không kiên định, dễ dàng thỏa hiệp là đặc điểm của giai cấp nào ở Việt Nam?**

**A.** Giai cấp tiểu tư sản. **B.** Giai cấp địa chủ phong kiến.

**C.** Giai cấp tư sản dân tộc. **D.** Giai cấp tư sản mại bản.

**Câu 6. Hoạt động nào sau đây là của tiểu tư sản trí thức ở Việt Nam (1919 – 1925 )?**

**A.** Thành lập Đảng Lập hiến (1923).

**B.** Cuộc đấu tranh đòi trả tự do cho Phan Bội Châu ( 1925).

**C.** Tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái ( 1923).

**D.** Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ( 1925).

**Câu 7. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai của thực dân Pháp ở Đông Dương ( 1919 – 1929), nền kinh tế Việt Nam**

**A.** phổ biến vẫn trong tình trạng lạc hậu, nghèo nàn.

**B.** có sự chuyển biến rất nhanh và mạnh về cơ cấu.

**C.** có sự phát triển độc lập với nền kinh tế Pháp.

**D.** có đủ khả năng cạnh tranh với nền kinh tế Pháp.

**Câu 8. Một sự kiện nổi bật trong phong trào yêu nước dân chủ công khai trong những năm 1919 – 1926 là**

**A.** cuộc truy điệu, để tang Phan Châu Trinh ( 1926).

**B.** tư sản Việt Nam tẩy chay tự sản Hoa kiều ( 1919).

**C.** Phan Châu Trinh về nước tham gian hoạt động cách mạng ( 1926).

**D.** tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái ( 1924).

**Câu 9. Nội dung nào là biểu hiện của khuynh hướng dân chủ tư sản trong phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 20 của thế kỉ XX?**

**A.** Sự ra đời của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ( 1925).

**B.** Cuộc khởi nghĩa Yên Bái ( 1930).

**C.** Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ( 1930).

**D.** Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản ở Việt Nam ( 1929).

**Câu 10. Việt Nam Quốc dân đảng là một chính đáng theo khuynh hướng nào?**

A. Dân chủ vô sản. B. Dân chủ tư sản.

C. Dân chủ tiểu tư sản. D. Cách mạng vô sản.

**Câu 11. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) do tổ chức nào dưới đây lãnh đạo?**

A. Đảng Thanh niên. B. Đảng Lập hiến.

C. Việt Nam Quốc dân đảng. D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**Câu 12. Tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức**

A. Tâm tâm xã. B. tổ chức Cộng sản đoàn.

C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. D. Đảng Thanh niên.

**Câu 13. Năm 1928, ở Việt Nam đã thực hiện chủ trương “vô sản hóa ” là của**

A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. B. Tân Việt Cách mạng đảng.

C. Việt Nam Quốc dân đảng. D. An Nam Cộng sản đảng.

**Câu 14. Sự phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản nào ở Việt Nam ( 1929)?**

A. An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

B. Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng.

C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn và Đông Dương Cộng sản đảng.

D. Đông Dương Cộng sản đảng và Tân Việt Cách mạng đảng.

**Câu 15. Tháng 3-1929 tại số nhà 5D phố Hàm Long ( Hà Nội ) đã diễn ra sự kiện**

A. thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.

B. Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam.

C. thành lập tổ chức Đông Dương Cộng sản đảng.

D. Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**Câu 196. Trong những năm 20 của thế kỉ XX, ở Việt Nam tổ chức nào ra đời muộn nhất?**

A. Đông Dương Cộng sản đảng.

B. An Nam Cộng sản đảng.

C. Đông Dương Cộng sản đảng liên đoàn.

D. Việt Nam Quốc dân đảng.

**Câu 17 . Đông Dương Cộng sản liên đoàn ra đời ( 9-1929 ) từ sự phân hóa của**

A. Việt Nam Quốc dân đảng. B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

C. Đảng Lập hiến. D. Tân Việt Cách mạng đảng.

**Câu 18. Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đầu năm 1930 là**

A. dân tộc và giai cấp. B. tự do và bình đẳng

C. độc lập và tự do. D. hoàn bình và độc lập.

**Câu 19. An Nam Cộng sản đảng ra đời ( 8 – 1929 ) từ sự phân hóa của**

A. Việt Nam Quốc dân đảng. B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

C. Đảng Lập hiến. D. Tân Việt Cách mạng đảng.

**Câu 20. Động lực chính được xác định trong Luận cương chính trị ( 10-1930 ) là**

A. toàn thể nhân dân. B. công nhân viên chức.

C. công nhân và nông dân. D. nông nhân, tư sản.

**Câu 21. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam ( 10-1930 ) quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành**

A. Đảng Cộng sản Đông Dương. B. Đảng Lao động Việt Nam.

C. Đảng Dân chủ Việt Nam. D. Đông Dương Cộng sản đảng.

**Câu 22. Thực dân Pháp bắt đầu tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam (1919 – 1929) trong bối cảnh thế giới như thế nào?**

A. Nền kinh tế thế giới đang trên đà phát triển mạnh.

B. Hệ thống thuộc địa của các nước tư bản chủ nghĩa Âu – Mĩ bị thu hẹp.

C. Nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa ổn định.

D. Các nước tư bản châu Âu gánh chịu hậu quả chiến tranh nặng nề.

**Câu 23. Thực dân Pháp thực hiện đẩy mạnh chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam với quy mô lớn là vì**

A.bị thiệt hại nặng nề trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

B. muốn nắm quyền kiểm soát tài nguyên ở Đông Dương.

C để cạnh tranh với các cường quốc tư bản châu Âu.

D. để đơn phương độc chiếm thị trường Đông Dương.

**Câu 24. Thực dân Pháp hạn chế sự phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai (1919 – 1929) chủ yếu là do**

A. thị trường Việt Nam nhỏ hẹp không đáp ứng yêu cầu.

B. nguồn nhân lực Việt Nam không đáp ứng yêu cầu.

C. muốn ưu tiên nguồn vốn đầu tư công nghiệp nhẹ.

D. muốn cột chặt nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế Pháp.

**Câu 25. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cùng với thực dân Pháp lực lượng xã hội nào dưới đây trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam?**

A. Trung, tiểu địa chủ và tư sản mại bản. B. Trung địa chủ và tư sản mại bản.

C. Tiểu địa chủ và tư sản mại bản. D. Đại địa chủ và tư sản mại bản.

**Câu 26. Sau các cuộc khai thác thuộc địa của Pháp, giai cấp công nhân Việt Nam đã vươn lên nắm lấy sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam là nhờ**

A. ngày càng phát triển về số lượng.

B. ngày càng phát triển về chất lượng.

C. kế thừa truyền thống yêu nước và bất khuất của dân tộc.

D. kế thừa truyền thống yêu nước và sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin.

**Câu 27. Mâu thuẫn chủ yếu nhất của xã hội Việt Nam ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là**

A. giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.

B. giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ.

C. giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai.

D. giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp.

**Câu 28. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào công nhân Việt Nam bắt đầu chuyển sang đấu tranh tự giác sau sự kiện nào?**

A. Thành lập tổ chức Tâm Tâm xã ( 1923).

B. Tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái ( 1924).

C. Công nhân xưởng Ba Son (Sài Gòn) bãi công ( 1925).

D. Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước ( 1920).

**Câu 29. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son ở Sài Gòn ( 8-1925) là một mốc quan trọng trên con đường phát triển của phong trào công nhân vì**

A. đã ngăn Pháp chở lính sang đàn áp cách mạng Trung Quốc.

B. đã đánh dấu sự tiếp thu cách mạng vô sản của công nhân Việt Nam.

C. sau sự kiện này có rất nhiều cuộc bãi công của công nhân nổ ra khắp cả nước.

D. đã đánh dấu bước tiến mới của phong trào đi từ đấu tranh tự phát sáng tự giác.

**Câu 30. Điểm nào dưới đây thể hiện Việt Nam Quốc dân đảng (1927-1930) đã nhận thức đúng yêu cầu khách quan của lịch sử dân tộc?**

A. Chủ trương tiến hành cách mạng bằng bạo lực.

B. Phát triển cơ sở đảng ở một số địa phương Bắc Kì.

C. Đề cao binh lính người Việt trong quân đội Pháp.

D. Kiên quyết phát động cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

**Câu 31. Khởi nghĩa Yên Bái thất bại (2-1930) đánh dấu sự chấm dứt của khuynh hướng cách mạng nào ở Việt Nam?**

A. Khuynh hướng vô sản. B. Khuynh hướng dân chủ tư sản.

C. Khuynh hướng phong kiến. D. Khuynh hướng dân chủ.

**Câu 32. Sự kiện đánh dấu sự chấm dứt của xu hướng cách mạng dân chủ tư sản trong phong trào dân tộc ở Việt Nam đầu thế kỉ XX là**

A. tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái ( 6-1924).

B. cuộc bãi công của công nhân Ba Son (8-1925).

C.khởi nghĩa Yên Bái thất bại (2-1930).

D. cuộc đấu tranh của nông dân Hưng Nguyên (9-1930).

**Câu 33. Sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái (năm 1930), cho thấy giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ thiếu....**

A. một đường lối lãnh đạo đúng đắn.

B. một giai cấp lãnh đạo tiên tiến.

C. một giai cấp tiên tiến và đường lối lãnh đạo đúng đắn.

D. lòng yêu nước và dũng cảm.

**Câu 34. Sự thất bại của các khuynh hướng trong phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đặt ra yêu cầu bức thiết là phải**

A. thành lập một chính đáng của giai cấp tiên tiến.

B. xây dựng một mặt trận thống nhất dân tộc.

C. tìm ra con đường cứu nước mới cho dân tộc.

D. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

**Câu 35. Một trong những nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỉ XX là do**

A. không đáp ứng được yêu cầu khách quan của lịch sử.

B. chi sử dụng phương pháp đấu tranh ôn hòa.

C. chi đấu tranh đòi quyền lợi giai cấp.

D. chưa được giác ngộ về chính trị.

**Câu 36. Tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhằm tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết để**

A. truyền bá lí luận giải phóng dân tộc.

B. thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. đánh đổ đế quốc và tay sai.

D. làm cách mạng đánh đổi phong kiến.

**Câu 37. Vai trò to lớn của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là**

A. chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho việc thành lập Đảng.

B. tuyên truyền lí luận cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

C. xây dựng đội ngũ cán bộ và hệ thống tổ chức cho sự ra đời của Đảng.

D. thúc đẩy phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển.

**Câu 38. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được coi là tổ chức tiến thân của Đảng Cộng sản Việt Nam vì**

A. thúc đẩy sự phát triển phong trào công nhân đi tử tự phát sáng tự giác.

B. góp phần truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

C. đoàn kết khối liên minh công nông trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

D. chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 39. Điểm khác nhau căn bản trong chủ trương hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925) với Việt Nam Quốc dân đảng (1927) là**

A. chú trọng xây dựng tổ chức quần chúng đấu tranh cách mạng.

B. tập trung phát triển lực lượng cách mạng.

C. chú trọng tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin.

D. tăng cường tổ chức quần chúng đấu tranh vũ trang.

**Câu 40. Sự xuất hiện 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 có ý nghĩa**

A. là mốc đánh dấu chấm dứt khủng hoàng về đường lối của cách mạng Việt Nam

B. chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã hoàn toàn trưởng thành.

C. chấm dứt khủng hoảng về giai cấp , tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

D. là một xu thế của cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản.

**Câu 41. Sự xuất hiện 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 không phải là**

A. xu thế của cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản.

B. bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. mốc chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam.

D. bước phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân Việt Nam.

**Câu 42. Khuynh hướng vô sản ngày càng chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam vào cuối những năm 20 của thế kỉ XX vì**

A. giải quyết được mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản.

B. phong trào công nhân đã hoàn toàn trở thành tự giác.

C. đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc.

D. khuynh hướng yêu nước dân chủ tư sản đã hoàn toàn thất bại.

**Câu 43. Sự kiện nào không phải là biểu hiện của khuynh hướng vô sản trong phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 20 của thế kỉ XX?**

A. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son – Sài Gòn.

B. Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam.

C. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu.

D. Sự ra đời của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**Câu 44. Cuối năm 1929, vấn đề thống nhất các tổ chức cộng sản trở nên cấp thiết đối với cách mạng Việt Nam là do**

A. phong trào dân tộc dân chủ phát triển mạnh.

B. phong trào công - nông phát triển mạnh.

C. sự tan rã của Việt Nam Quốc dân đảng.

D. sự chia rẽ và công kích lẫn nhau của các tổ chức cộng sản.

**Câu 45. Biểu hiện cho sự thắng thể hoàn toàn của xu hướng cách mạng vô sản ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là sự ra đời**

A. Chi bộ Cộng sản đầu tiên ( 2-1929).

B. Đông Dương Cộng sản đảng ( 6-1929).

C. An Nam Cộng sản đảng ( 8-1929).

D. Đảng Cộng sản Việt Nam ( 2-1930).

**Câu 46. Việc chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX được đánh dấu bằng sự kiện**

A. cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại và sự tan rã của Việt Nam Quốc dân đảng.

B. Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập với cương lĩnh chính trị đúng đắn.

D. Nguyễn Ái Quốc xác định con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản.

**Câu 47. Vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) là bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam?**

A. Kết thúc thời kì phát triển của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.

B. Chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.

C. Chấm dứt tình trạng chia rẽ giữa các tổ chức chính trị ở Việt Nam.

D. Đưa giai cấp công nhân và nông dân lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng.

**Câu 48. Sự kiện lịch sử nào là mốc đánh dấu phong trào công nhân Việt Nam hoàn toàn trở thành một phong trào tự giác?**

A. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son (1925).

B. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ( 1930).

C. Sự thành lập các tổ chức cộng sản ( 1929).

D. Nguyễn Ái Quốc thống nhất các tổ chức cộng sản ( 1930).

**Câu 49. “Chính cường vắn tắt, sách lược vắn tắt ” do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo ( đầu năm 1930) được coi là “ Cương lĩnh chính trị đầu tiên” của Đảng Cộng sản Việt Nam vì**

A. Xác định mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

B. giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp nông dân với công nhân.

C. đáp ứng được nguyện vọng của dân tộc Việt Nam.

D. để ra đường lối kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

**Câu 50. Sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt mới trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam được đánh dấu bằng sự kiện**

A. Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản.

B. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập với Cương lĩnh chính trị đúng đắn.

C. Cách mạng tháng Tám thành công với sự ra đời một nhà nước mới.

D. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

**Câu 51. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam ( 1-1930 ) xác định đúng nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đổ**

A. đế quốc Pháp, phong kiến và tư sản phàn cách mạng.

B. phong kiến, đế quốc Pháp và tư sản phản cách mạng.

C. phong kiến, tự sản phản cách mạng và đế quốc Pháp.

D. địa chủ phong kiến, đế quốc Pháp và tay sai.

**Câu 52. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa**

A. chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

B. giữa chủ nghĩa Mác -Lênin với phong trào công nhân.

C. phong trào công nhân với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

D. chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào dân tộc và phong trào yêu nước Việt Nam.

**Câu 53. Luận cương chính trị ( 10-1930) của Đảng Cộng sản Đông Dương không đưa ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu là do**

A. đánh giá chưa đúng khả năng chống đế quốc và phong kiến của tư sản dân tộc.

B. chưa xác định được mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Đông Dương thuộc địa.

C. chưa xác định được kẻ thù chủ yếu trong xã hội Đông Dương thuộc địa.

D. chịu sự chi phối của tư tưởng hữu khuynh từ các đảng cộng sản trên thế giới.

**Câu 54. Luận cương chính trị tháng 10-1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương có hạn chế trong việc xác định**

A. vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản.

B. quan hệ giữa cách mạng Đông Dương với cách mạng thế giới.

C. phương pháp, hình thức đấu tranh cách mạng.

D. nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng.

**Câu 55. Việc ba tổ chức cộng sản có sự chia rẽ, sau đó được hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1930) để lại kinh nghiệm gì cho cách mạng Việt Nam?**

A. Xây dựng khối liên minh công nông vững chắc.

B. Luôn chú trọng đấu tranh chống tư tưởng cục bộ.

C. Kết hợp hài hòa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

D. Xây dựng mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi.

**Câu 56. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (1-1930) và Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (10-1930) đều xác định**

A. Đảng Cộng sản Đông Dương giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

B. lực lượng của cách mạng tư sản dân quyền bao gồm toàn dân tộc.

C. nhiệm vụ cách mạng là xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.

D. tiến hành đồng thời 2 nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất.

**Câu 57. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ( 2-1930) là mốc đánh dấu phong trào công nhân Việt Nam hoàn toàn trở thành một phong trào tự giác vì**

A. phong trào có tổ chức lãnh đạo thống nhất với đường lối lãnh đạo đúng đắn.

B. giai cấp công nhân đã bước đầu giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của mình.

C. giai cấp vô sản bước đầu trưởng thành và có thể lãnh đạo cách mạng.

D. phong trào công nhân đã có đầy đủ các yếu tố của một phong trào tự giác.

**Câu 58. Sau khi đọc Luận cương của Lê - nin, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam phải theo con đường nào?**

A. Chủ nghĩa Mác – Lênin. B. Chủ nghĩa cộng sản.

C. Cách mạng vô sản. D. Cách mạng dân chủ tư sản.

**Câu 59. Báo Người cùng khổ ( Le Pa - ria ) do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm là cơ quan ngôn luận của**

A.Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pa - ri.

B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

C. Đảng Cộng sản Pháp.

D. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

**Câu 60. “*Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.*” là đoạn trích trong văn kiện nào của Chủ tịch Hồ Chí Minh?**

A. Tác phẩm “Đường Kách mệnh”. B. Thơ chúc Tết xuân Mậu Thân năm 1968.

C. Bản Di chúc lịch sử. D. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”.

**Câu 61. Đâu không phải là nguyên nhân khiến Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cứu nước?**

A. Sự khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo cách mạng.

B. Đất nước bị xâm lược, giải phóng dân tộc là yêu cầu cấp thiết.

C. Người sớm có chí “đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào ”.

D. Nhân dân Việt Nam đã thống nhất lựa chọn Nguyễn Tất Thành.

**Câu 62. Sự kiện nào trên thế giới và ở Việt Nam đã làm chuyển hướng cuộc đời hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc giai đoạn 1917 – 1925?**

A. Sự thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

B. Sự thất bại của hai phong trào Đông du và phong trào Duy tân.

C. Sự thất bại của các phong trào yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

D. Sự khủng hoảng đường lối lãnh đạo của xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX.

**Câu 63. Sự kiện chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên là**

A. đọc Luận cương của Lênin ( 1920).

B. tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp ( 1920).

C. tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản ( 1920).

D. tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản ( 1924).

**Câu 64. Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn – con đường cách mạng vô sản theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin , đó chính là thời kì**

A. Nguyễn Ái Quốc trở thành chiến sĩ cộng sản.

B. Nguyễn Ái Quốc trở thành chiến sĩ yêu nước.

C. Nguyễn Ái Quốc trở thành thành viên của Quốc tế Cộng sản.

D. Nguyễn Ái Quốc trở thành đảng viên.

**Câu 65. Trong những sự kiện hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 20 của thế kỉ XX, sự kiện nào là mốc đánh dấu sự chuyển biến trong tư tưởng, lập trường của Người?**

A. Tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp ( 12-1920).

B. Tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông ( 1921).

C. Đọc Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin ( 1920).

D. Gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc - xai ( 1919).

**Câu 66. Trong chuỗi sự kiện hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 20 của thế kỉ XX, sự kiện nào quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định trong việc chuẩn bị tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?**

A. Nguyễn Ái Quốc đọc Luận cương của Lênin ( 1920 ).

B. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ( 1925).

C. Viết và xuất bản tác phẩm Đường Kách mệnh ( 1927).

D. Thống nhất các tổ chức cộng sản ( 1930).

**Câu 67. Nội dung nào không phản ánh vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930?**

A. Tổ chức, chủ trì và nêu chương trình hội nghị.

B. Thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. Thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

D. Ca ngợi và tuyên dương đóng góp của các tổ chức cộng sản.

**Câu 68. Yếu tố quyết định dẫn tới sự thành công của Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản năm 1930 là**

A.các tổ chức củng chung lí tưởng, mục tiêu cách mạng.

B. vai trò, uy tín của Nguyễn Ái Quốc.

C. sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản.

D. các tổ chức không muốn chia rẽ, tranh giành ảnh hưởng.

**Câu 69. Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với lịch sử dân tộc Việt Nam là gì?**

A. Chuẩn bị điều kiện về tổ chức cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam.

B. Khẳng định con đường cứu nước mới theo khuynh hướng vô sản.

C. Chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 70. Công lao to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam trong những năm 30 của thế kỉ XX là**

A. thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc.

C. soạn thảo Cương lĩnh đầu tiên của Đảng.

D. thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

**Câu 71. Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu đặt cơ sở cho mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới khi Người**

A. dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp.

B. dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.

C. tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Pa - ri.

D. gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc - xai.

**Câu 72. Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là do**

A.Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nêu ra yêu cầu hợp nhất.

B. các tổ chức cộng sản trong nước đề nghị hợp nhất thành một đảng.

C. phong trào cách mạng Việt Nam đứng trước nguy cơ bị chia rẽ lớn.

D. phong trào công nhân đã phát triển đến trình độ hoàn toàn tự giác.

**Câu 73. Việc Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sảng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920) là mốc đánh dấu**

A. sự chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam.

B. sự thiết lập quan hệ giữa Việt Nam với các nước thuộc địa trên thế giới.

C. bước ngoặt quyết định trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

D. bước ngoặt quyết định trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.

**Câu 74. “ Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản”, đây là kết luận của Nguyễn Ái Quốc sau khi**

A.tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp

B. đọc Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin.

C. tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

D. gửi Bản yêu sách của nhân dân Việt Nam đến Hội nghị Véc - xai.

**Câu 75. Vai trò vĩ đại nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam là**

A.xác định đường lối và phương pháp cách mạng.

B. trực tiếp lãnh đạo xây dựng lực lượng cách mạng.

C. xác định thời cơ, chớp lấy thời cơ và phát động Tổng khởi nghĩa.

D. sáng lập Mặt trận Việt Minh.

**Câu 76. Đâu không phải là công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam trong khoảng 40 năm đầu thế kỉ XX?**

A.Tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc.

B. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. Lãnh đạo thành công Cách mạng tháng Tám.

D. Hoàn thành sự nghiệp thông nhất đất nước.

**Câu 77. Ở Việt Nam, đỉnh cao nhất của phong trào cách mạng 1930 – 1931 được đánh dấu bằng sự kiện nào?**

A. Cuộc biểu tình của công nhân (1-5-1930).

B. Cuộc đấu tranh của công nhận Vinh - Bến Thủy.

C. Cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy sợi Nam Định.

D. Sự thành lập các Xô viết ở Nghệ An và Hà Tĩnh.

**Câu 78. Nhân tố cơ bản dẫn đến sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 – 1931 là**

A.ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933.

B. chính sách đàn áp, khủng bố những người yêu nước của thực dân Pháp.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập với Cương lĩnh chính trị đúng đắn.

D. thực dân Pháp đàn áp đẫm máu cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

**Câu 79. Khối liên minh công - nông lần đầu tiên được hình thành từ phong trào cách mạng nào ở Việt Nam?**

A. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

B. Phong trào cách mạng 1930 – 1931.

C. Phong trào dân tộc dân chủ 1919 – 1930.

D. Phong trào dân chủ 1936 – 1939.

**Câu 80. Nhận xét nào dưới đây về phong trào 1936 – 1939 ở Việt Nam là không đúng?**

A. Đây là phong trào cách mạng có tính chất dân chủ.

B. Đây là cuộc vận động cách mạng có tính chất dân tộc điển hình.

C. Đây là phong trào cách mạng có mục tiêu, hình thức đấu tranh mới.

D. Đây là cuộc vận động dân chủ có tính chất dân tộc.

**Câu 81. Sau khi về Việt Nam (1941), Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi xây dựng**

A. trung tâm chỉ đạo kháng chiến. B. Khu giải phóng Việt Bắc.

C. căn cứ địa cách mạng. D. sở chỉ huy các chiến dịch.

**Câu 82. Khi về Việt Nam (đầu 1941), Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa cách mạng vì đó là nơi có**

A. lực lượng dân quân tự vệ phát triển mạnh.

B. hệ thống đường giao thông phát triển đồng bộ.

C. lực lượng chính trị được tổ chức và phát triển.

D. các đội du kích địa phương hoạt động mạnh.

**Câu 83. Sự kiện nào đã giúp Quốc tế Cộng sản công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là phân bố độc lập , trực thuộc Quốc tế Cộng sản?**

A. Phong trào cách mạng 1930 – 1931.

B. Phong trào dân chủ 1936 – 1939.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1-1930).

D. Luận cương chính trị của Tổng Bí thư Trần Phú (10-1930).

**Câu 84. Một trong những khó khăn của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1936 – 1939 là**

A. Chính phủ Pháp cử phái viên sang điều tra tình hình Đông Dương.

B. hệ thống tổ chức của Đảng và quần chúng chưa được phục hồi.

C. chính quyền thực dân ở Đông Dương đẩy mạnh khai thác thuộc địa.

D. có nhiều đảng phái chính trị tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng.

**Câu 85. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ( 7-1936) khẳng định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là**

A. chống chiến tranh và bảo vệ hòa bình.

B. chống đế quốc và chống phong kiến.

C. chống phát xít và chống chiến tranh.

D. chống chế độ phản động thuộc địa và tay sai.

**Câu 86. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ( 7-1936) chủ trương thành lập**

A. Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương.

B. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

C. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.

D. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản để Đông Dương.

**Câu 87. Hội nghị BCH Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939) đặt nhiệm vụ nào lên hàng đầu?**

A. Chẳng phản động thuộc địa. B. Chống đế quốc và tay sai.

C. Chống phản đế Pháp - Nhật. D. Chống quân phiệt Nhật.

**Câu 88. Trong thời kì 1936 – 1939, về phương pháp đấu tranh, Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương sử dụng các hình thức**

A. đấu tranh nghị trường là chủ yếu.

B. công khai, bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

C. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

D. công khai , hợp pháp và nghị trường.

**Câu 89. Nhiệm vụ, mục tiêu đấu tranh trước mắt: “ đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương” được Đảng xác định tại**

A. Hội nghị BCH Trung ương Đảng (3-1938).

B. Hội nghị BCH Trung ương Đảng ( 7-1936).

C. Hội nghị BCH Trung ương Đảng ( 11-1939).

D. Hội nghị BCH Trung ương Đảng ( 5-1941).

**Câu 90. Để tập hợp lực lượng đấu tranh chống đế quốc, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11-1939) chủ trương thành lập**

A. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

B. Mặt trận Việt Minh.

C. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

**Câu 91. Vì sao Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939) quyết định đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu?**

A. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc và tay sai phát triển gay gắt.

B. Quân phiệt Nhật hoàn thành xâm lược và thống trị nhân dân Đông Dương.

C. Nước Pháp bị Đức chiếm đóng làm cho quân Pháp ở Đông Dương suy yếu.

D. Nhân dân Việt Nam phải chịu hai tầng lớp áp bức , bóc lột của Pháp và Nhật.

**Câu 92. Vấn đề nào sau đây không thuộc bối cảnh lịch sử thế ra phong trào dân chủ 1936 - 1939?**

A. Những năm 30 của thế kỉ XX, chủ nghĩa phát xít lên cầm quyền Đức, Ý, Nhật.

B. Tháng 6-1936, Chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp.

C. Tháng 7-1935, Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản tại Mát -xcơ -va.

D. Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

**Câu 93. Trong thời kì 1930-1945, Hội nghị nào của Đảng đã đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng của Đảng, đó là đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu?**

A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương (7-1936).

B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương ( 11-1939).

C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương ( 11-1940).

D. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương ( 5-1941).

**Câu 94. Nhiệm vụ trước mặt của cách mạng Việt Nam được Đảng Cộng sản Đông Dương để ra trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5-1941) là**

**A. giải phóng dân tộc, thành lập chính phủ nhân dân.**

B. đòi dân sinh, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

C. chống đế quốc, phát xít và phong kiến.

D. đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và ruộng đất.

**Câu 95. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ( 5-1941) không có nội dung nào sau đây?**

A. Đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

B. Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất.

C. Thành lập Mặt trận Việt Minh.

D. Xác định Pháp là kẻ thủ chủ yếu.

**Câu 96. Khó khăn lớn nhất của ta trong công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền từ 1941 – 1945 là**

1. xây dựng lực lượng chính trị.

B. xây dựng lực lượng vũ trang.

C. xây dựng căn cứ địa cách mạng.

D. vận động sự ủng hộ của quốc tế.

**Câu 97. Chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương được đề ra tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ( 5-1941) là**

A.thành lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

B. thành lập Mặt trận Phản đế Đông Dương.

C. thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

D. thành lập Mặt trận Việt Minh.

**Câu 98. Từ năm 1930-1945, mặt trận thống nhất dân tộc đầu tiên nào của riêng Việt Nam do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo?**

A. Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương.

B. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.

**Câu 99. Hội nghị nào của Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương thành lập mặt trận thống nhất dân tộc đầu tiên của riêng Việt Nam?**

A.Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương ( 7-1936).

B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương ( 11-1939).

C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương ( 11-1940).

D. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương ( 5-1941).

**Câu 100. Hội nghị nào đã đánh dấu sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng?**

A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ( 11-1939).

B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ( 7-1936).

C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ( 11-1940).

D. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ( 5-1941).

**Câu 101. Điểm mới của Hội nghị lần thứ VIII ( 5-1941) so với Hội nghị lần thứ VI ( 11-1939) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương là**

A. thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi chống đế quốc.

B. giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương.

C. tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thực hiện giảm tố, giảm tốc.

D. đề cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, chống đế quốc và phong kiến.

**Câu 102. Nghệ Tĩnh là nơi phong trào phát triển mạnh nhất trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 vì**

A. là nơi tập trung đông đảo giai cấp công nhân.

B. là nơi thành lập chính quyền Xô viết sớm nhất.

C. là nơi có truyền thống chống giặc ngoại xâm.

D. là nơi có đội ngũ cán bộ đảng đồng nhất cả nước.

**Câu 103. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ( 11 - 1939 ) đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạnh vì**

A. giải quyết kịp thời vấn đề ruộng đất cho nông dân.

B. Xác định kẻ thù trước mắt là phát xít Nhật.

C. đặt vấn đề cần tộc cho toàn cõi Đông Dương.

D. giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

**Câu 104. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939) đã đảnh dấu sự chuyển hướng đúng đắn và chỉ đạo chiến lược cách mạng là**

A.kịp thời giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

B. xác định đúng kẻ thù là phát xít Nhật.

C. mở rộng vấn đề dân chủ trên toàn Đông Dương.

D. giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

**Câu 105. Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền của Đảng và Mặt trận Việt Minh từ 1941 - 1945 không có nội dung**

1. xây dựng lực lượng chính trị.
2. xây dựng lực lượng vũ trang.
3. xây dựng căn cứ địa cách mạng.
4. vận động sự ủng hộ của quốc tế.

**Câu 106. Hạn chế về lực lượng cách mạng nêu trong Luận cương chính trị ( 10-1930) của Tổng Bí thư Trần Phú được khắc phục trong mặt trận nào dưới đây?**

A.Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

B. Mặt trận Việt Minh.

C. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

**Câu 107. “*Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng , không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm sau cũng không đòi được*”. Đoạn trích trên được Nguyễn Ái Quốc trình bày**

A. tại Hội nghị BCH trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ( 11-1939).

B. tại Hội nghị BCH trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ( 5-1941).

C. trong Thư gửi đồng bảo toàn quốc sau Hội nghị Trung ương Đảng ( 5-1941).

D. trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ( 12-1946).

**Câu 108. Nhật Bản bất ngờ làm cuộc đảo chính hất cẳng Pháp ra khỏi Đông Dương ( 9-3-1945) vì**

A. để tránh hậu họa “sau lưng” khi quân Đông minh vào Đông Dương.

B. Nhật muốn độc chiếm hoàn toàn Đông Dương.

C. Pháp không thực hiện đúng những điều khoản đã kí với Nhật.

D. Nhật bị Đồng minh đánh bại nên trả thù Pháp.

**Câu 109. Nguyên nhân trực tiếp của sự kiện Nhật Bản đảo chính Pháp ngày 9-3-1946 là**

A.Nhật Bản tiến hành theo kế hoạch chung của phe phát xít.

B. mâu thuẫn Pháp – Nhật càng lúc càng gay gắt.

C. thất bại gần kể của Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. phong trào cách mạng dâng cao gây cho Nhật Bản nhiều khó khăn.

**Câu 110. Điểm tương đồng và cũng là quyết định quan trọng nhất của Hội nghị BCH Trung ương Đảng tháng 11-1939 và tháng 5-1941 là**

A. thay đổi hình thức mặt trận dân tộc thống nhất để giải quyết nhiệm vụ dân tộc.

B. thành lập chính phủ cộng hòa thay cho chính quyền Xô viết.

C. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, các nhiệm vụ khác tạm gác lại.

D. tạm gác lại khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất” tập trung vào giải phóng dân tộc.

**Câu 111. Nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam trong thời kì 1930 – 1945 là**

A. đánh đổ các giai cấp bóc lột giành độc lập dân tộc.

B. đánh đuổi đế quốc xâm lược giành độc lập dân tộc.

C. lật đổ chế độ phong kiến giành ruộng đất cho dân cày.

D. lật đổ chế độ thuộc địa phản động, giành quyền dân chủ.

**Câu 112. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ( 5-1941) có ý nghĩa lịch sử như thế nào?**

A. Mở đầu cho cuộc đấu tranh mới trong phong trào giải phóng dân tộc.

B. Hoàn chỉnh chuyển hướng chiến lược của Đảng, đa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

C. Đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng – đưa nhiệm vụ GPDT lên hàng đầu.

D. Mở ra bước ngoặt lớn trong cuộc vận động đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

**Câu 113. Hinh thái khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa được xác định tại**

A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương ( 7-1936).

B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương ( 11-1939).

C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương ( 11-1940).

D. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương ( 5-1941).

**Câu 114. Khẩu hiệu “ Phá kho thóc, giải quyết nạn đói” được Đảng ta đề ra trong**

A. Cao trào kháng Nhật cứu nước.

B. sự kiện Nhật đảo chính Pháp ( 09-3-1945).

C. Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì của Đảng ( 4-1945).

D. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam ( 4-1945).

**Câu 115. Căn cứ địa chính của cách mạng nước ta trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là**

A.Cao Bằng. B. Tân Trào.

C. Khu giải phóng Việt Bắc. D. Bắc Sơn - Võ Nhai.

**Câu 116. “*Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng , tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy*”. Đó là nội dung của**

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh.

B. bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh.

C. Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VIII.

D. Tuyên ngôn của Mặt trận Việt Minh.

**Câu 117. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam mang tính chất là**

A. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

B. cách mạng giải phóng dân tộc.

C. cách mạng vô sản.

D. cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 54. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, lực lượng vũ trang có vai trò như thế nào?**

A. Nòng cốt, quyết định thắng lợi. B. Đông đảo, quyết định thắng lợi.

C. Quyết định đưa đến thắng lợi. D. Xung kích, hỗ trợ lực lượng chính trị.

**Câu 55. Lực lượng chính trị có vai trò như thế nào đối với thành công của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?**

A. Lực lượng xung kích trong Tổng khởi nghĩa.

B. Quyết định thắng lợi của Tổng khởi nghĩa.

C. Lực lượng nòng cốt trong Tổng khởi nghĩa.

D. Hỗ trợ lực lượng vũ trang giành chính quyền.

**Câu 56. Năm 1945, nhân dân Việt Nam giành được độc lập từ**

1. chế độ phong kiến Nguyễn.
2. thực dân Pháp.
3. quân phiệt Nhật.
4. Chính phủ Trần Trọng Kim.

**Câu 117. Từ ngày 12-3-1945, Đảng Cộng sản Đông Dương sử dụng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” vì**

A. Phát xít Nhật và thực dân Pháp mâu thuẫn với nhau ngày càng sâu sắc.

B. Hội nghị Ianta đã có quyết định sẽ tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.

C. phát xít Nhật đã trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương.

D. thời cơ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền cho các dân tộc Đông Dương đã đến.

**Câu 118. Sự kiện Nhật đảo chính Pháp vào đêm ngày 09-3-1945 xảy ra khi**

A. quân Đồng minh giảng cho Nhật những đòn nặng nề ở châu Á – Thái Bình Dương.

B. Nhật dựng lên Chính phủ Trần Trọng Kim và đưa Bảo Đại lên làm “ Quốc trưởng ”

C. Nhật tuyên bố “ giúp các dân tộc Đông Dương xây dựng nền độc lập ”.

D. Nhật vượt biên giới Việt – Trung tiến vào miền Bắc Việt Nam.

**Câu 119. Đang lúc Nhật đảo chính Pháp, ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “ *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* ” và đã đưa ra khẩu hiệu**

1. “ Đánh đuổi Pháp – Nhật”.
2. “ Đánh đổ Pháp – Nhật”.
3. “ Đánh đuổi phát xít Nhật”.
4. “ Đánh đổ phát xít Nhật”.

**Câu 120. Cho các sự kiện sau:**

**1. Nhật đầu hàng vô điều kiện quân Đồng minh.**

**2. Nhật đảo chính lật đổ Pháp ở Đông Dương.**

**3. Nhật vượt biên giới Việt – Trung, tiến vào miền Bắc Việt Nam.**

**Hãy chọn cách sắp xếp đúng theo trình tự thời gian trong các đáp án dưới đây :**

A. 1, 2, 3. B. 2, 3, 1. C.3,2,1. D. 3, 1, 2.

**Câu 121. Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, nhân dân Hà Nội hô vang với các khẩu hiệu “ Ủng hộ Việt Minh!”, “ Đả đảo bù nhìn!”, “Việt Nam độc lập!” là biểu hiện của đấu tranh**

A.quân sự. B. chính trị. C. hòa bình. D. văn hóa.

**Câu 122. Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 , những tỉnh lỵ giành được chính quyền sớm nhất trong cả nước là**

A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

B. Bắc Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang.

C. Phú Thọ, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Hải Dương.

D. Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên.

**Câu 123. Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, các địa phương giành chính quyền cuối cùng vào ngày 28-8-1945 là**

1. Đồng Nai Thượng, Hà Tiên.
2. Đồng Nai Thượng, Hà Giang.
3. Đồng Nai Thượng, Yên Bái.
4. Đồng Nai, Hà Giang.

**Câu 124. Cho các sự kiện từ diễn biến trong Cách mạng tháng Tám năm 1945:**

**1. Vua Bảo Đại thoải vị, chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.**

**2. Ủy ban khởi nghĩa Hà Nội quyết định khởi nghĩa giành chính quyền.**

**3. Cuộc Tổng khởi nghĩa đã giành được thắng lợi trên phạm vi cả nước.**

**Hãy chọn cách sắp xếp đúng theo trình tự thời gian trong các đáp án dưới đây:**

A. 2, 1, 3. B. 1, 2, 3. C. 3, 2, 1. D. 2, 3, 1.

**Câu 125. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là**

A. sự cổ vũ, giúp đỡ của phe Đồng minh.

B. sự đoàn kết ba nước Đông Dương.

C. sự ủng hộ của Liên Xô và Trung Quốc.

D. sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Hồ Chí Minh.

**Câu 126. Đâu không phải là điều kiện bùng nổ của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?**

A. Đảng và quần chúng nhân dân đã sẵn sàng hành động.

B. Lực lượng trung gian đã ngả hẳn về phía cách mạng.

C. Phát xít Nhật đảo chính lật đổ lPháp ở Đông Dương.

D. Phát xít Nhật đầu liảng đồng minh không điều kiện.

**Câu 127. Nội dung nào sau đây sai khi nói về thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?**

A. Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc.

B. Là thắng lợi mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc.

C. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng.

D. Là thắng lợi vĩ đại và giành độc lập dân tộc từ Pháp - Nhật.

**Câu 128. Đâu *không phải* là nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?**

A. Dân tộc ta có truyền thống yêu nước.

B. Tinh thần đoàn kết , anh dũng chiến đấu của nhân dân.

C. Chiến thắng của quân Đồng minh.

D. Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

**Câu 129. Vấn đề nào dưới đây không thuộc nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945?**

A. Nhờ đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Nhờ sự đoàn kết toàn Đảng, toàn dân quyết tâm giành độc lập, tự do cho dân tộc.

C. Nhờ khối đoàn kết của ba nước Đông Dương, sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc.

D. Nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, có truyền thống kiên cường, bất khuất.

**Câu 130. Nội dung nào không phản ánh ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đối với lịch sử dân tộc Việt Nam?**

A. Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng.

C. Mở đầu kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc.

D. Mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc.

**Câu 131. Điều kiện khách quan thuận lợi để Đảng Cộng sản Đông Dương để ra những chủ trương, biện pháp phát động Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 Việt Nam là**

A. Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản.

B. phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.

C. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim suy yếu.

D. Đảng sẵn sàng lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

**Câu 132. Thắng lợi đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai của nhân dân Việt Nam là**

1. Cuộc kháng chiến chống Pháp.
2. Chiến dịch Điện Biên Phủ.
3. Cuộc kháng chiến chống Mĩ.
4. Cách mạng tháng Tám.

**Câu 133. Sự kiện nào đã đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành một Đảng cầm quyền và chuẩn bị những điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam?**

A. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam ( 2-1930).

B. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh.

C. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

D. Phong trào dân chủ 1936 – 1939.

**Câu 134. Thắng lợi nào của cách mạng Việt Nam đã mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do?**

A. Cách mạng tháng Tám. B. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

C. Cuộc kháng chiến chống Pháp. D. Cuộc kháng chiến chống Mĩ.

**Câu 135. Một trong những bài học kinh nghiệm rút ra từ thắng lợi của Cách mạng, tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay là**

A. kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

B. tăng cường liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.

C. kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao.

D. xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu.

**Câu 136. Trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước những khó khăn, thử thách nào?**

A. Nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, giặc ngoại xâm và nội phản.

B. Khối đoàn kết dân tộc bị chia rẽ sâu sắc, lực lượng chính trị suy yếu.

C. Các đảng phái trong nước đều câu kết với quân Trung Hoa Dân quốc.

D. Quân Pháp trở lại Đông Dương theo quy định của Hội nghị Potxđam.

**Câu 137. Vấn đề nào sau đây không phải là những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?**

A. Giặc ngoại xâm và nội phán. B. Giặc đói.

C. Giặc dốt. D. Lúa gạo bị sụt giá, ruộng đất bỏ hoang.

**Câu 138. Vấn đề nào không phải là thuận lợi cơ bản của nước ta trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?**

A. Nhân dân ta đã giành quyền làm chủ, bước đầu hưởng quyền lợi từ chế độ mới.

B. Sự giúp đỡ nhiệt tình của Liên Xô, Trung Quốc và các nước trên thế giới.

C. Cách mạng nước ta có Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

D. Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa đang từng bước được hình thành.

**Câu 139. Khó khăn lớn nhất của nước ta trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là**

A. cùng một lúc phải đối mặt với nhiều kẻ thù.

B. chính quyền cách mạng mới thành lập.

C. ngân sách nhà nước hầu như trống rỗng.

D. nạn đói đang trực tiếp đe dọa đời sống nhân dân.

**Câu 140. Một thuận lợi của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là**

A.được Trung Quốc và Liên Xô ủng hộ.

B. các nước thiết lập quan hệ ngoại giao.

C. nhân dân đã giành quyền làm chủ đất nước.

D. Nhật đã được giải giáp ra khỏi nước ta.

**Câu 141. Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, các thế lực ngoại xâm và nội phản đều có âm mưu**

A. mở đường cho Mĩ xâm lược Việt Nam.

B. biến Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới.

C. giúp Trung Hoa Dân Quốc chiếm Việt Nam.

D. chống phá cách mạng Việt Nam.

**Câu 142. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, sự kiện nào đã thể hiện được quyền tự quyết dân tộc của nhân dân ta?**

A. Ngày 9-11-1946, Quốc hội thông qua Hiến pháp nước Việt Nam DCCH.

B. Ngày 6-1-1946, hơn 90 % cử tri cả nước đi bỏ phiểu, bầu cử Quốc hội.

C. Ngày 2-3-1946, Quốc hội nước ta lập ra Ban Dự thảo Hiến pháp.

D. Cách mạng tháng Tám đã mở ra kỷ nguyên nhân dân lao động nắm chính quyền.

**Câu 143. Nội dung nào dưới đây không phải là âm mưu và hành động của thực dân Pháp Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công?**

A. Khôi phục ách thống trị thực dân cũ ở ba nước Đông Dương.

B. Tải lập chế độ cai trị của chủ nghĩa thực dân cũ ở Việt Nam.

C. Thỏa hiệp với Trung Hoa Dân quốc để chống phá cách mạng.

D. Phối hợp với quân Anh để giải giáp quân Nhật ở miền Nam.

**Câu 144. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phát động phong trào “Tuần lễ vàng”, xây dựng “Quỹ độc lập” nhằm**

A. phát triển kinh tế nông nghiệp. B. hỗ trợ cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

C. giải quyết căn bản nạn đói. D. giải quyết khó khăn về tài chính.

**Câu 145. Ngay sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công, để giải quyết nạn mù chữ, chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào nào?**

A. Thi đua “ dạy tốt, học tốt”. B. Bổ túc văn hóa.

C. Cải cách giáo dục. D. Bình dân học vụ.

**Câu 146. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công, để giải quyết căn bản nạn đói ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi**

A. “Tăng gia sản xuất”. B. “ Nhường cơm sẻ áo”.

C. “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói”. D. “ Người cày có ruộng”.

**Câu 147. Cuộc bầu cử Quốc hội khóa I và Hội đồng nhân dân các cấp ở Việt Nam có tác dụng như thế nào đối với việc củng cổ chính quyền nhân dân sau ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công?**

A. Nâng cao uy tín quốc tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

B. Làm cho bộ máy nhà nước từng bước được kiện toàn.

C. Làm cho các cơ quan tư pháp ở cơ sở được hoàn thiện.

D. Đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**Câu 148. Cuối năm 1945, hàng vạn thanh niên hăng hái tham gia các “đoàn quân Nam tiến” nhằm tham gia cuộc chiến đấu chống Pháp ở**

A. Nam Bộ và Nam Trung Bộ. B. Tây Nguyên.

C. Trung Trung Bộ. D. Nam Bộ và Tây Nguyên.

**Câu 149. Từ ngày 6-3-1946 đến trước ngày 19-12-1946, Đảng và Chính phủ ta chủ trương chuyển từ nhân nhượng với quân Trung Hoa Dân quốc sang hòa hoãn với Pháp là do**

A. Pháp mạnh hơn quân Trung Hoa Dân quốc.

B. Thực dân Pháp chuẩn bị tiến quân ra Bắc sau khi chiếm đóng miền Nam.

C. Pháp và Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Hoa - Pháp ( 28-2-1946).

D. Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta đầu hàng.

**Câu 150. Từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946, đối với quân Trung Hoa Dân quốc, Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa thực hiện chủ trương nào?**

A. Kiên quyết kháng chiến. B. Kí hiệp ước hòa bình.

C. Hòa hoãn, tránh xung đột. D. Vừa đánh vừa đàm phán.

**Câu 151. Nội dung nào dưới đây thể hiện quan hệ giữa Việt Nam với Pháp từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946?**

A. Hòa hoãn, tránh xung đột. B. Thương lượng để chấm dứt xung đột.

C. Đối đầu trực tiếp về quân sự. D. Vừa đánh vừa đàm phán.

**Câu 152. Từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương**

A.hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc và kháng chiến chống Pháp.

B. đấu tranh vũ trang chống quân Trung Hoa Dân quốc và quân Pháp.

C. đấu tranh vũ trang với quân Trung Hoa Dân quốc và hòa với Pháp.

D. hòa hoãn, nhân nhượng với thực dân Pháp và Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 153. Từ sau ngày 6-3-1946 đến trước ngày 19-12-1946, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương**

A. hòa hoãn với Pháp và đẩy lùi quân Trung Hoa Dân quốc.

B. đấu tranh vũ trang chống quân Trung Hoa Dân quốc và quân Pháp.

C. hòa với quân Trung Hoa Dân quốc và hòa với Pháp.

D. hòa hoãn, nhân nhượng với Pháp và Trung Hoa Dân quốc.

**Câu 154. Từ ngày 6-3-1946 đến trước ngày 19-12-1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện đối sách gì đối với Pháp?**

A. Từ chối tham gia Liên hiệp Pháp. B. Hòa hoãn, nhân nhượng.

C. Không nhân nhượng về kinh tế. D. Đổi đầu trực tiếp về quân sự.

**Câu 155. Nhằm mục đích tranh thủ thời gian hòa bình để xây dựng và củng cố lực lượng về mọi mặt, đối với Pháp, Chính phủ Việt Nam đã**

A. kí Hiệp định Sơ bộ ( 6-3-1946). B. thực hiện chính sách nhân nhượng.

C. nhường một số ghế trong Quốc hội. D. chấp nhận Hiệp ước Hoa – Pháp.

**Câu 156. Đâu là quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam được ghi nhận trong Hiệp định Sơ bộ ( 6-3-1946 )?**

A. Chính phủ Việt Nam đồng ý cho 15000 quân Pháp ra miền Bắc

B. Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng.

C. Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chính phủ riêng.

D. Hai bên ngừng bắn và giữ nguyên quân đội của mình tại vị trí cũ.

**Câu 157. Trong văn kiện ngoại giao nào dưới đây, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nhân nhượng đối phương về không gian để có thời gian đưa cách mạng tiếp tục tiến lên?**

A. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương ( 1954).

B. Hiệp định Sơ bộ ( 6-3-1946).

C. Hiệp định Pa - ri về Việt Nam ( 1973).

D. Tạm ước Việt - Pháp ( 14-9-1946).

**Câu 158. Bản Tạm ước ( 14-9-1946) của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nhân nhượng cho Pháp**

A. một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa.

B. đem 15000 quân ra Bắc thay thế quân Trung Hoa Dân quốc

C. một số quyền lợi về chính trị, quân sự.

D. một số quyền lợi về kinh tế và quân sự.

**Câu 159. Thực tiễn Cách mạng Việt Nam giai đoạn từ sau ngày 2-9-1945 đến ngày 19-12-1946 đã phản ánh truyền thống nào của dân tộc Việt Nam?**

A. Dựng nước đi đôi với giữ nước.

B. Kiên quyết chống giặc ngoại xâm.

C. Mềm dẻo trong quan hệ đối ngoại.

D. Luôn giữ vững chủ quyền, độc lập dân tộc.

**Câu 160. Việc ký Hiệp định Sơ bộ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ( 6-3-1946) tạm hòa hoãn nhân nhượng Pháp chứng tỏ**

A. chủ trương đúng đắn và kịp thời của Chính phủ ta.

B. sự thỏa hiệp của Đảng và Chính phủ ta.

C. sự thăng trận của Pháp trên mặt trận ngoại giao.

D. sự suy yếu của lực lượng cách mạng.

**Câu 161. Chủ trương của Đảng ta đối với vấn đề thù trong giặc ngoài ( từ ngày 2-9-1945 đến trước ngày 19-12-1946 ) được đánh giá là**

A. cứng rắn về sách lược, mềm dẻo về nguyên tắc.

B. mềm dẻo về nguyên tắc và sách lược.

C. cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.

D. vừa cứng rắn, vừa mềm dẻo về nguyên tắc và sách lược.

**Câu 162. Hiệp định Sơ bộ được kí kết giữa Việt Nam với thực dân Pháp (6-3-1946) không phải là một văn bản mang tính chất pháp lí quốc tế vì**

A. Pháp không công nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập tự chủ.

B. Hiệp định này chi hai nước kí kết, Pháp có thể bội ước.

C. Hiệp định không công nhận Việt Nam có chính phủ, nghị viện riêng.

D. Hiệp định chỉ công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng.

**Câu 163. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ ( 19-12-1946 ) là**

A. quân Pháp khiêu khích, tiến công ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn ( 11-1946).

B. Pháp gửi tối hậu thư đôi ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu ( 18-12-1946 )

C. Pháp gây ra vụ tàn sát đẫm máu ở phố Hàng Bún, phố Yên Ninh.

D. Pháp bội ước và đẩy mạnh việc chuẩn bị xâm lược nước ta một lần nữa.

**Câu 164. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược ( 19-12-1946) là do**

A. Việt Nam không thể tiếp tục sử dụng biện pháp hòa bình với Pháp được nữa.

B. Pháp ráo riết chuẩn bị lực lượng quân sự để tiến hành xâm lược Việt Nam.

C. quá trình chuẩn bị lực lượng của Việt Nam cho cuộc kháng chiến đã hoàn tất.

D. Việt Nam đã tranh thủ được sự ủng hộ của Liên Xô và một số nước khác .

**Câu 165. Văn kiện nào không nằm trong nội dung và phương châm để Đảng ta lựa chọn xây dựng đường lối kháng chiến chống Pháp?**

A. Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của Thường vụ Trung ương Đảng ( 12-12-1946).

B. Tác phẩm “ Đường Kách mệnh” của Nguyễn Ái Quốc ( 1927).

C. “ Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Bác Hồ ( 19-12-1946).

D. “ Kháng chiến nhất định thắng lợi ” của Tổng Bí thư Trường Chinh (9-1947).

**Câu 166. Nội dung nào dưới đây là sự tóm tắt đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp ( 1945 - 1954) của Đảng Cộng sản Đông Dương?**

A. Toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh và tranh thủ các lực lượng hòa bình.

B. Toàn dân, toàn diện, lâu dài và tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Pháp.

C. Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cảnh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

D. Toàn dân, toàn diện, trường kì và tranh thủ sự ủng hộ của các nước XHCN.

**Câu 167. Văn bản nào trình bày đầy đủ nhất về đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng?**

A.“Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh ( 12-1946).

B , “ Chỉ thị toàn dân kháng chiến” của Thường vụ Trung ương Đảng ( 12-1946).

C. Một số bài trên báo Sự thật của Trường Chinh ( 3-1947).

D. “ Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Tổng Bí thư Trường Chinh ( 9-1947).

**Câu 168. Sự kiện nào dưới đây trở thành tín hiệu tiến công của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp ( 19-12-1946)?**

A. Chỉ thị toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

B. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh .

C. Công nhân nhà máy điện Yên Phụ ( Hà Nội ) phá máy, cắt điện toàn thành phố.

D. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi.

**Câu 169. Nhiệm vụ chủ yếu của quân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 ( 12-1946 – 2-1947) là**

A. bảo vệ Hà Nội và các đô thị.

B. giam chân quân Pháp tại các đô thị.

C. tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch.

D. củng cố hậu phương kháng chiến.

**Câu 170. Ý nào không phản ánh đúng mục đích của cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 ( 1946-1947 ) của quân đội ta?**

A. Giam chân địch trong các đô thị.

B. Kéo dài thời gian hòa hoãn với Pháp.

C. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực quân Pháp.

D. Tạo điều kiện để tiếp tục chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

**Câu 171. Cuộc chiến đấu của quân dân Hà Nội ( từ ngày 19-12-1946 đến ngày 17-2-1947) đã**

A.đẩy quân Pháp rơi vào tình thể phòng ngự bị động.

B. tiêu diệt được một bộ phận sinh lực của quân Pháp.

C. giải phóng được một địa bàn chiến lược quan trọng.

D. buộc thực dân Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài.

**Câu 172. Chỉ thị “Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp ” là chỉ thị được Đảng ta đưa ra trong**

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.

C. Chiến dịch Hòa Bình đông - xuân 1951 – 1952.

D. Chiến dịch Tây Bắc thu – đông 1952.

**Câu 173. “ Vườn không nhà trống !”, “Tản cư cũng là kháng chiến!” , “ Phá hoại để kháng chiến!” là khẩu hiệu được Đảng ta đưa ra khi**

A. chuẩn bị cho cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

B. chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

C. chuẩn bị cho chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947.

D. chuẩn bị cho chiến dịch Biên giới thu đông năm 1950.

**Câu 174. Thắng lợi nào của quân và dân ta đã buộc Pháp thay đổi chiến lược chiến tranh ở Đông Dương, từ “ đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh lâu dài” với ta?**

A. Thắng lợi trong Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.

B. Thắng lợi trong Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.

C. Thắng lợi trong Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

D. Thắng lợi trong cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 – 1954.

**Câu 175. Với chiến thắng Việt Bắc ( thu – đông 1947 ) chúng ta đã**

A. buộc Pháp chuyển từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh lâu dài với ta.

B. giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chỉnh Bắc Bộ.

C. làm thất bại âm mưu của Pháp có Mĩ giúp sức.

D. làm thất bại hoàn toàn Kế hoạch Rove của Pháp.

**Câu 176. Đâu không phải là mục đích của ta trong Chiến dịch Biên giới ( thu đông 1950)?**

A. Khai thông biên giới mở đường liên lạc với thế giới dân chủ . B. Tiêu diệt bộ phận quan trọng sinh lực địch.

C. Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

D. Buộc Pháp phải thay đổi chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” sang đánh lâu dài.

**Câu 177. Thắng lợi nào của quân đội và nhân dân Việt Nam đã làm phá sản âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương ( 1945-1954)?**

A. Cuộc chiến đấu trong các đô thị. B. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông.

C. Chiến dịch Biên giới thu - đông. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

**Câu 178. Việc Mĩ đồng ý với Pháp thực hiện Kế hoạch Rove ( 5-1949) là mốc mở đầu cho**

A. chính sách xoay trụ của Mĩ sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

B. thời kỉ Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu ở khu vực Đông Nam Á.

C. quá trình Mĩ dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

D. sự hình thành liên minh quân sự giữa hai cường quốc Pháp và Mĩ.

**Câu 179. Chiến dịch nào dưới đây là chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ( 1945-1954 )**

A. Thượng Lào năm 1954. B. Điện Biên Phủ năm 1954.

C. Việt Bắc thu – đông năm 1947. D. Biên giới thu - đông năm 1950.

**Câu 180. Thắng lợi nào của quân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã đánh bại hoàn toàn Kế hoạch Rơ - ve?**

A. Chiến thắng Việt Bắc thu – đông. B. Chiến thắng ở các đô thị.

C. Chiến thắng Biên giới thu - đông. D. Chiến thắng Điện Biên Phủ.

**Câu 181. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950 của Việt Nam là**

A. chứng tỏ quân đội ta đã trưởng thành.

B. là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên quân ta giành thắng lợi.

C. chứng minh sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.

D. ta giành thế chủ động trên chiến trường chính ( Bắc Bộ).

**Câu 182. Từ năm 1945-1954, thắng lợi nào của quân dân ta đã giành thể chủ động tiến công trên chiến trường chính Bắc Bộ?**

A. Thắng lợi trong Chiến dịch Việt Bắc thu – đông ( 1947).

B. Thắng lợi trong Chiến dịch Biên giới thu – đông ( 1950).

C. Thắng lợi trong Chiến dịch Điện Biên Phủ ( 1954).

D. Cuộc Tiến công Chiến lược Đông - Xuân 1953-1954.

**Câu 183. Thắng lợi quân sự đánh dấu bước phát triển mới trong cuộc kháng chiến chống Pháp ( 1945 – 1954) của nhân dân ta là**

A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.

C. Chiến dịch Trung Lào, Thượng Lào cuối năm 1953 đầu năm 1954.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

D. Thắng lợi trong phong trào “Đồng khởi” ( 1960).

**Câu 184. Chiến thắng Biên giới năm 1950 của nhân dân Việt Nam chứng tỏ rằng**

A.quân đội nhân dân Việt Nam đã động hơn quân Pháp.

B. ý đồ “ đánh nhanh thắng nhanh” của quân Pháp bị phá sản.

C. lực lượng kháng chiến đã mạnh hơn quân đội viên chính của Pháp.

D. sự trưởng thành của quân đội nhân dân Việt Nam.

**Câu 185. Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, cuối năm 1950 Pháp đề ra Kế hoạch Đà Lạt đờ Tátxinhỉ với mong muốn**

A.kết thúc chiến tranh trong danh dự.

B. tiến tới kí 1 hiệp định có lợi cho Pháp.

C. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

D. giữ vững quyền chủ động về chiến lược.

**Câu 186. Để ngăn chặn chủ lực của Việt Nam và kiểm soát việc ta đưa nhân tài, vật lực ra vùng tự do, trong kế hoạch Đà Lát đơ Tátxinhi ( 1950), thực dân Pháp đã**

A. tập trung xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh

B. tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định vùng tạm chiếm.

C. xây dựng phòng tuyến công sự bằng xi măng cốt sắt.

D. đánh phá hậu phương kháng chiến bằng biệt kích, thổ phỉ.

**Câu 187. Đại hội đại biểu lần thứ mấy của Đảng đã quyết định đưa Đảng ta ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam?**

A. Đại hội lần thứ I ( tháng 3-1935).

B. Đại hội lần thứ II ( tháng 2-1951).

C. Đại hội lần thứ III ( tháng 9-1960).

D. Đại hội lần thứ IV ( tháng 12-1976).

**Câu 188. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng ( tháng 2-1951 ) đã bầu ai giữ chức vụ Chủ tịch Đàng?**

A. Trần Phú. B. Trường Chinh. C. Hồ Chí Minh. D. Lê Duẩn.

**Câu 189. Đại hội lần thứ mấy của Đảng ta được xem là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”?**

A. Đại hội lần thứ I ( tháng 3-1935).

B. Đại hội lần thứ II ( tháng 2-1951).

C. Đại hội lần thứ III ( tháng 9-1960).

D. Đại hội lần thứ IV ( tháng 12-1976).

**Câu 190. Ý đồ chiến lược của Mĩ khi can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương ( 1945-1954) là gì?**

A. Khẳng định vị thế của nước Mĩ.

B. Chia cắt lâu dài nước Việt Nam.

C. Giúp đỡ Pháp kéo dài và mở rộng chiến tranh.

D. Nắm quyền điều khiển chiến tranh Đông Dương.

**Câu 191. Ngày 7-5-1953, dưới sự giúp đỡ của Mĩ, Pháp đề ra Kế hoạch quân sự Nava với mong muốn**

A.giành thắng lợi quyết định.

B. đánh bại hoàn toàn quân chủ lực của ta.

C. phá các kế hoạch tiến công của ta.

D. kết thúc chiến tranh trong danh dự.

**Câu 192. Theo Kế hoạch Nava, từ thu - đông năm 1954 thực dân Pháp tấn công chiến lược ở Bắc Bộ (Việt Nam) nhằm giành thắng lợi quyết định về**

A.ngoại giao. B. quân sự. C. chính trị. D. chính trị và ngoại giao.

**Câu 193. Bản chất của Kế hoạch quân sự Nava (1953) của Pháp - Mĩ là**

A. phân tán binh lực. B. tập trung binh lực.

C. đánh nhanh thắng nhanh. D. tấn công lên Việt Bắc lần hai .

**Câu 194. Kế hoạch Nava của Pháp - Mĩ (7-5-1953) có điểm hạn chế là**

A. kế hoạch quân sự toàn diện gây khó khăn mới cho cuộc kháng chiến của ta.

B. thể hiện sự cấu kết, lệ thuộc chặt chẽ của Pháp vào Mĩ.

C. mâu thuẫn giữa tập trung - phân tán lực lượng, giữa thế và lực của quân Pháp.

D. nhằm giành thắng lợi quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.

**Câu 195. Nhiệm vụ chủ yếu của lực lượng kháng chiến Việt Nam được xác định trong Kế hoạch quân sự động - xuân 1953 – 1954 là**

A. tiêu diệt sinh lực địch.

B. tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược.

C. phân tán lực lượng địch.

D. giải phóng đất đai.

**Câu 196. Trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, từ năm 1950 đến 7-1954 Chính phủ Pháp đã nhận viện trợ của nước nào?**

A.Đức. B. Nhật. C. Mĩ. D. Anh.

**Câu 197. Cho đoạn trích sau : “*Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu , nhằm tiêu diệt phương hướng chiến lược của ta trong một bộ phận sinh lực địch , giải phóng đất đai ...*”. Đoạn trích trên phản ánh**

A. Chiến dịch Biên giới thu – đông ( 1950)

B. cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân ( 1953-1954 ).

C. Chiến dịch Điện Biên Phủ ( 1954).

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh ( 1975 ).

**Câu 198. Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam để ra chủ trương tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu nhằm**

A.buộc thực dân Pháp phải đàm phán để kết thúc chiến tranh.

B. tiêu diệt toàn bộ lực lượng quân sự của thực dân Pháp.

C. làm thất bại kế hoạch tập trung binh lực của thực dân Pháp.

D. giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

**Câu 199. Cuối năm 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm mục tiêu là**

A. tiêu diệt lực lượng địch và giải phóng vùng Tây Bắc.

B. đập tan âm mưu xâm lược và nô dịch của đế quốc.

C. buộc Pháp phải kí kết Hiệp định ngoại giao.

D. đánh đuổi đế quốc, giải phóng dân tộc.

**Câu 200. Trong thời kì 1945-1954, thắng lợi nào của quân dân Việt Nam đã đánh bại hoàn toàn kế hoạch quân sự lớn nhất của thực dân Pháp?**

A. Chiến thắng Việt Bắc thu – đông. B. Chiến thắng Biên giới thu - đông.

C. Chiến thắng Điện Biên Phủ. D. Chiến thắng Hòa Bình.

**Câu 201. Từ 1945-1954, chiến thắng nào của Việt Nam đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “kết thúc chiến tranh trong danh dự” của thực dân Pháp?**

A. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.

B. Chiến dịch Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào 1951 – 1953.

C. Chiến cuộc Đông - Xuân 1953 – 1954.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 202. Sự kiện nào là mốc đánh dấu kết thúc cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)?**

A. Thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ.

B. Bộ đội Việt Nam tiến vào tiếp quản Hà Nội.

C. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết.

D Quân Pháp xuống tàu rút khỏi Hải Phòng.

**Câu 203. Quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam lần đầu tiên được một hiệp định quốc tế công nhận là**

A. Hội nghị Ianta ( Liên Xô) năm 1945.

B. Hiệp định Sơ bộ Việt -Pháp năm 1946.

C. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương năm 1954.

D. Hiệp định Pa -ri về Việt Nam năm 1973.

**Câu 204. Từ năm 1945-1954, thắng lợi rất quan trọng buộc thực dân Pháp phải công nhận các quyền độc lập cơ bản của ba nước Đông Dương là**

A. Hiệp định Pa - ri được kí kết. B. Hiệp định Sơ bộ được ký kết.

C. Hiệp định Giơnevơ được kí kết. D. Chiến thắng Điện Biên Phủ.

Câu 205. “*Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và ý nghĩa chính trị quan trọng*” là nhận định của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về chiến dịch nào của quân và dân ta đã thực hiện trong kháng chiến chống Pháp ( 1945 – 1954)?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

C. Chiến dịch Thượng Lào năm 1954.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 206. Trong kháng chiến chống Pháp ( 1945 – 1954), thắng lợi làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương là**

A. Chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

C. cuộc Tiển công chiến lược Đông - Xuân 1953 – 1954.

D. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954

**Câu 207. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954 của nhân dân Việt Nam không tác động đến việc**

A. buộc pháp phải chấp nhận sự thất bại, rút hết quân về nước.

B. Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương.

C. giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.

D. tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta.

**Câu 208. Nội dung nào không phản ảnh ý nghĩa lịch sử của Chiến thắng Điện Biên Phủ của nhân dân Việt Nam?**

A. Làm xoay chuyền cục diện chiến tranh Đông Dương.

B. Là sự kiện đánh dấu kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp.

C. Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

D. Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.

**Câu 209. Thắng lợi nào của nhân dân ta đã buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút hết quân đội ra khỏi Đông Dương?**

A. Thắng lợi trong Chiến dịch Điện Biên Phủ ( 1954 ).

B. Thăng lợi trong cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân ( 1953 – 1954).

C. Thắng lợi trong Hiệp định Giơnevơ ( 1954).

D. Thắng lợi trong Chiến dịch Biên giới thu - đông ( 1950).

**Câu 210. Điểm chung về mục đích của thực dân Pháp khi đề ra Kế hoạch Rove và Kế hoạch Đà Lạt đơ Tátxinhỉ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam ( 1945 – 1954) là**

A. chuẩn bị tiến công lên Việt Bắc. B. giành quyền chủ động chiến lược.

C. nhanh chóng kết thúc chiến tranh. D. khóa chặt biên giới Việt - Trung.

**Câu 211. Trong thời kì 1945 – 1954, các chiến dịch của quân đội và nhân dân Việt Nam ến dịch Việt Bắc năm 1947, Chiến dịch Biên giới năm 1950 và Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 ) đều nhằm**

A. củng cố và mở rộng căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc.

B. phả âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của giặc Pháp.

C. hỗ trợ chiến tranh du kích trong vùng bị tạm chiếm.

D. tiêu diệt một bộ phận sinh lực của thực dân Pháp.

**Câu 212. Nội dung nào không phản ánh ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược ( 1945 - 1954 )?**

A. Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của Pháp trên đất nước ta.

B. Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của CNĐQ.

C. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

D. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

**Câu 213. Hiệp định Genève năm 1954 về Đông Dương không có nội dung nào dưới đây?**

A. Các nước tham dự cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

B. Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người ký Hiệp định và những người kế tục họ.

C. Các bên thừa nhận trên thực tế ở miền Nam có hai chính quyền , hai quân đội, hai vùng kiểm soát.

D. Hiệp định cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương.

**Câu 214. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1954 là**

A. kháng chiến và kiến quốc.

B. giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

C. tiến hành đồng thời hai cuộc cách mạng dân tộc và dân chủ.

D. đẩy mạnh đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

**Câu 215. Điểm chung giữa Cách mạng tháng Tám ( 1945) và Cuộc kháng chiến chống Pháp ( 1945 - 1954) là**

A. chấm dứt một cuộc chiến tranh xâm lược của các thế lực ngoại xâm.

B. mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc.

C. hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. mở ra bước ngoặt cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

**Câu 216. Nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp ( 1945 – 1954) là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương vì Đảng**

A. đã kết hợp sức mạnh toàn dân tộc với sức mạnh của thời đại.

B. tranh thủ được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

C. có đường lối cách mạng đúng đắn, khoa học và sáng tạo.

D. lãnh đạo xây dựng miền Bắc thành hậu phương vững mạnh.

**Câu 217. Thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam trong thế kỉ XX góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới?**

A. Cách mạng tháng Tám năm 1945.

B. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

C. Kháng chiến chống Pháp ( 1945 – 1954).

D. Kháng chiến chống Mĩ ( 1954 - 1975) .